

GIÁ TRỊ CÔNG GIÁO Ở VIỆT NAM QUA CÁC CẤP ĐỘ: CÁ NHÂN, GIA ĐÌNH, CỘNG ĐỒNG

Tóm tắt: Các tôn giáo ở Việt Nam dù là tôn giáo ngoại nhập hay tôn giáo nội sinh, trong quá trình tồn tại và phát triển đều tạo ra các giá trị tôn giáo. Giá trị Công giáo ở Việt Nam không nằm ngoài vấn đề trên. Giá trị Công giáo ở Việt Nam phản ánh căn cốt nội tại từ đời sống tôn giáo của tôn giáo này tại Việt Nam. Nó hình thành trên cơ sở của Kinh Thánh, của giáo lý, giáo luật, đặc biệt là của lối sống đạo của cộng đồng Công giáo tại Việt Nam trong lịch sử truyền giáo, phát triển Công giáo ở Việt Nam. Giá trị Công giáo ở Việt Nam gồm những nội dung gì? Nó có vai trò như thế nào trong xã hội Việt Nam? Đây là một vấn đề rộng lớn. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi trình bày một số giá trị Công giáo Việt Nam qua ba nội dung: cá nhân, gia đình, cộng đồng.

Từ khóa: Công giáo, giá trị, Việt Nam, cá nhân, gia đình, cộng đồng.

1. Giá trị Công giáo Việt Nam đối với cá nhân người Công giáo

Trước hết nên hiểu cá nhân ở đây là con người, mỗi một con người, là cá vị hay là vị thế của con người. Cũng như một số tôn giáo lớn khác, Công giáo có quan niệm về con người (cá nhân). Chỉ có thể hiểu quan niệm của Công giáo về con người mới hiểu được ảnh hưởng của giá trị Công giáo tới con người (cá nhân).

1.1. Quan niệm của Công giáo về con người/cá nhân

Sách Sáng thế cho biết, Con Người do Thiên Chúa tạo nên bằng một ngôn ngữ biểu tượng “Thiên Chúa lấy bụi từ đất nặn ra con người, thổi sinh khí vào lỗ mũi và con người trở nên một sinh vật”¹. Con người gồm hai phần linh hồn và thể xác. *Hiến chế Mục vụ về Giáo hội trong thế giới ngày nay*, Công đồng Vatican II viết: “Là một thực thể có xác và hồn, con người, nhờ chính điều kiện có xác của

* PGS.TS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

mình, quy tụ nơi mình những yếu tố của thế giới vật chất, cho nên, nhờ con người, các yếu tố ấy đạt tới tuyệt đỉnh của chúng ta và có thể tự do dâng lời ca ngợi Đấng Tạo Hóa. Vì vậy, con người không được khinh miệt sự sống thể xác, nhưng trái lại, con người phải coi thân xác mình là tốt đẹp và đáng tôn trọng vì thân xác ấy do Thiên Chúa tạo dựng và sẽ được sống lại trong ngày sau hết”².

Con người được tạo dựng theo hình ảnh Thiên Chúa nên thân xác được dự phần vào phẩm giá là “hình ảnh Thiên Chúa”. Linh hồn theo Kinh Thánh thường chỉ sự sống con người hoặc toàn bộ nhân vị, là cái thâm sâu nhất giá trị nhất trong con người, nhờ đó con người là hình ảnh đặc biệt của Thiên Chúa³.

Do giống Thiên Chúa nên bản chất và hiện hữu của con người có liên quan đến Thiên Chúa một cách hết sức sâu xa. Con người là một ngôi vị do Thiên Chúa tạo dựng để liên hệ với Thiên Chúa. Quan hệ giữa Thiên Chúa đối với con người được phản ánh theo chiều hướng tương quan với Thiên Chúa⁴.

Theo quan niệm của Công giáo, con người không chỉ là hình ảnh của Thiên Chúa mà nó còn là chi thể của Thiên Chúa, bị ràng buộc bởi Thiên Chúa, cộng tác với Thiên Chúa. Thiên Chúa ban cho con người làm chủ trần gian, nhưng trước hết phải làm chủ bản thân mình. Tuy nhiên, con người đã sa ngã để rồi mắc tội tổ tông. Vì vậy, con người luôn phải có ý thức về tội lỗi. “Sau khi sa ngã con người không bị Thiên Chúa bỏ rơi. Trái lại được Thiên Chúa gọi con người và, một cách bí nhiệm, loan báo cho con người cuộc chiến thắng trên sự dữ và việc nâng con người sa ngã dậy”⁵.

1.2. Quan niệm của Công giáo về bốn phận con người/cá nhân

Từ quan niệm con người do Thiên Chúa tạo dựng; Con người phải làm chủ bản thân và con người phải là con người xã hội, gắn bó với cộng đồng, vì vậy con người có 3 bốn phận chính: Bốn phận đối với Thiên Chúa; Bốn phận đối với bản thân; Bốn phận đối với tha nhân (gia đình và cộng đồng).

Bốn phận đối với Thiên Chúa

Quan niệm Công giáo cho rằng đầu tiên và trên hết với người Công giáo là mối liên hệ với Thiên Chúa. Bởi vì “mỗi người đều do Thiên Chúa tạo dựng, đều được Thiên Chúa yêu thương và cứu độ trong Đức

Giêsu Kitô, và sẽ tự hoàn thiện chính mình bằng cách thiết lập mạng lưới quan hệ yêu thương, công bằng và liên đới với những người khác, khi tiến hành các việc làm khác trong thế giới, (...) và chỉ khi nào liên hệ với Ngài, con người mới khám phá ra, mới thực hiện được đúng đắn và đầy đủ ý nghĩa của đời sống cá nhân cũng như đời sống xã hội của mình”⁶. Như vậy, bốn phận đối với Thiên Chúa, hay nói cách khác, con người chỉ có thể thực hiện một cách tốt nhất đời sống cá nhân cũng như xã hội (cộng đồng) của mình khi thực hiện tốt bốn phận với Thiên Chúa.

Thiên Chúa yêu thương và cứu độ trong Đức Giêsu Kitô được người Công giáo xác tín bởi Thiên Chúa trao ban Con Một của Ngài cho loài người “Chúa làm người và sống giữa chúng ta” (Ga 1, 14) để hiến thân, cứu chuộc loài người. Vì vậy, người Công giáo phải biết ơn cứu độ của Thiên Chúa và phải tôn thờ Thiên Chúa. Khi nghe một kinh sư hỏi “Điều răn nào là quan trọng nhất?” (Mc 12, 28), Đức Giêsu đã trả lời “Hỡi Israel, hãy lắng nghe: Đức Chúa, Thiên Chúa của các ngươi là Đáng duy nhất; ngươi phải yêu mến Ngài với hết cả tâm hồn, linh hồn, trí khôn, và hết sức lực của ngươi”. Còn điều răn thứ hai là: “Ngươi phải yêu thương người lân cận như chính mình. Không có điều răn nào lớn hơn hai điều răn ấy” (Mc 12, 29-31). Điều này được thể hiện ở *Mười điều răn* của Kitô giáo mà người Công giáo Việt Nam gọi là *Mười điều răn của Đức Chúa Trời*⁷. Mười điều răn được quy làm hai nội dung: 1) KÍNH CHÚA (còn gọi là đối thần) thể hiện ở các điều 1, 2, 3; 2) YÊU NGƯỜI (gọi là đối nhân) thể hiện ở 7 điều còn lại. Giáo hội Công giáo đòi buộc các tín đồ phải giữ gìn và chu toàn các điều răn. Mười điều răn được thực hiện giữa giao ước được Thiên Chúa ký kết với dân Ngài. Mười điều răn trở thành một tổng thể, thống nhất, hữu cơ, trong đó mỗi “lời” hay “điều răn” đều quy chiếu về toàn thể. Vi phạm một điều răn là vi phạm toàn bộ lề luật.

Như vậy, có thể nói với người Công giáo nói chung và người Công giáo Việt Nam nói riêng NGUỒN - NGUỒN CỘI - NGUỒN MẠCH của mọi giá trị dù là thiêng liêng hay trần thế, dù là vật chất hay tinh thần đều phát xuất từ Thiên Chúa, từ ơn cứu độ mà Thiên Chúa thông ban cho con người một cách vô tư lự. Do đó, với người Công giáo, muốn trở thành một con người đích thực trước hết phải nhận biết được

ơn cứu độ của Thiên Chúa, phải có trách nhiệm sống hết mình với Thiên Chúa, phải lo giữ gìn và sống đạo Chúa. Khi cần có thể đổi cả tính mạng mình để bảo vệ đức tin. Người Công giáo Việt Nam có thói quen mỗi sáng thức dậy thường đứng trước bàn thờ Chúa cầu xin Chúa ban cho mình và những người thân trong gia đình một ngày bình an, làm ăn toại nguyện. Và buổi tối, sau một ngày làm lụng, học tập... họ lại đứng trước bàn thờ Chúa dâng lời cảm tạ Thiên Chúa những gì Thiên Chúa ban cho họ và người thân trong ngày.

1.3. Những biểu hiện cụ thể của giá trị Công giáo Việt Nam đối với cá nhân

Điều quan trọng trước hết là con người phải sống có lương tâm. Lương tâm hiện diện trong trái tim nhân vị, phải làm lành, lánh dữ. Quan niệm Công giáo xem “Lương tâm là hạt nhân bí ẩn nhất và là cung thánh của con người”. Sách *Giáo lý Công giáo*, Đ.1780 và 1781 cho biết: Lương tâm gồm có việc nhận thức các hoàn cảnh cụ thể nhờ phân định thực tiễn các lý lẽ và lợi ích, và cuối cùng, việc phán đoán các hành vi cụ thể phải làm hay đã làm. Lương tâm phải đi liền với trách nhiệm về những hành vi đã thực hiện.

Thứ hai, con người phải có các nhân đức nhân bản. Sách *Giáo lý Công giáo* các Đ.1805, 1806, 1807, 1808, 1809 cho biết: Có bốn nhân đức được giữ nhiệm vụ “cột trụ” và được gọi là các nhân đức “trụ”; mọi nhân đức khác đều quy tụ quanh bốn nhân đức này. Đó là khôn ngoan, công bằng, can đảm và tiết độ.

Khôn ngoan là nhân đức giúp lý trí sẵn sàng trong mọi hoàn cảnh phân định được điều thiện đích thực và lựa chọn những phương tiện thích hợp để đạt tới điều thiện đó.

Công bằng là nhân đức luân lý cốt tại một ý chí bền bỉ và vững chắc, quyết tâm trả lại những gì mình mắc nợ với Thiên Chúa và với người lân cận.

Can đảm là nhân đức luân lý giúp người tín đồ kiên trì và quyết tâm theo đuổi điều thiện, củng cố sự quyết tâm chống lại các cám dỗ, đương đầu với thử thách, vượt qua các chướng ngại.

Tiết độ là nhân đức luân lý giúp tín đồ điều tiết sức lôi cuốn của những thú vui và giữ sự chừng mực trong việc sử dụng các của cải trần thế.

Thứ ba, con người đối với bốn phận bản thân còn là việc nhận ra các tội lỗi, ngoài tội tổ tông là các tội phạm đến lương tâm, đến nhân bản và các tội xã hội khác. Khi nhận ra mình phạm tội bằng cách tự xét đoán ngoài việc người tín đồ tự sám hối ăn năn trước bàn thờ Chúa, quy định họ phải xưng tội trước tòa giải tội. Ngồi tòa là linh mục - người thay mặt Thiên Chúa - căn cứ vào tội mà hối nhân xưng ra mà gia các hình phạt, ví dụ ăn cắp đồ vật, tiền bạc thì phải trả lại. Ngoài ra, dù là phạm tội trọng hay tội nhẹ đều phải đọc một số kinh do linh mục chỉ và phải sám hối. Trong Thánh lễ, người tín đồ Công giáo qua việc làm dùng tay phải đập nhẹ vào ngực trái, nơi có trái tim rồi tự hối “lỗi tại tôi, lỗi tại tôi mọi đàng” để nhắc nhở mình sống theo 4 trụ cột.

Thứ tư, tín đồ Công giáo phải biết bảo vệ, trân trọng những giá trị mà Thiên Chúa thông ban cho họ. Đó là việc đề cao nền văn minh tình thương và văn minh sự sống. Con người phải nhận ra và nỗ lực không mệt mỏi hoàn chỉnh cá vị của mình. Tín đồ tránh những hình thức giết người dù chỉ là phá thai. Ấy chính là thực hiện điều răn thứ 5 trong 10 Điều răn của đạo: Chớ giết người. Phá thai theo quan niệm của Công giáo cũng là giết người. Quan niệm Công giáo cho rằng khi tinh trùng đã hợp cùng với noãn là lúc đã hình thành nên thai nhi, phá đi được xem là giết người. Hoàn toàn không như một số người ngoại đạo nghĩ phá thai nghĩa là thai nhi đã thành hình hài, còn trước đó chỉ được xem là “hút điều hòa kinh nguyệt”. Chính vì vậy mà đã và đang xuất hiện hàng trăm xứ, họ đạo với hàng ngàn tín đồ tham gia đi đến các bệnh viện thu gom các thai nhi đã bị phá bỏ đem đi chôn cất, như chôn cất một người qua đời.

Các nữ tu của một số dòng tu theo truyền thống họ thường xin, nhận hoặc gom nhặt trẻ sơ sinh bị bỏ rơi về nuôi dưỡng trong các cô nhi viện. Chưa có một tài liệu nào thống kê xem số lượng trẻ em bỏ rơi được các tôn giáo (trong đó có Công giáo), các nhà hảo tâm nuôi dưỡng hàng năm là bao nhiêu. Nhưng số lượng mỗi năm có thể lên đến hàng trăm. Các em ở các cô nhi viện không chỉ được nuôi cho lớn mà còn được học hành cho khôn, nhiều em đã trở nên thành đạt giúp ích cho xã hội.

Một số dòng tu, nhất là dòng Mến Thánh giá, còn nuôi những người già cô đơn không nơi nương tựa để họ sống bình an tuổi già và những ngày cuối đời còn lại...

Đó chính là người Công giáo thể hiện việc thực hiện nền văn minh tình thương và sự sống. Bởi với người tín đồ, con người có nguồn gốc từ Thiên Chúa. Thiên Chúa tạo ra con người theo hình ảnh của mình. Cá vị của họ là do Thiên Chúa tạo dựng. Con người phải biết bảo vệ sự sống của chính bản thân mình. Với tín đồ Công giáo, một ai đó tự hủy hoại thân thể mình, đặc biệt là tự vẫn dù bất kỳ bằng hình thức nào đều phạm lề luật Thiên Chúa. Những người như thế được xem là lỗi đạo nặng. Thi thể của họ được an táng ở một góc nghĩa trang (người Công giáo gọi là Vườn Thánh). Người tín đồ chân chính phải luôn biết tự sửa mình, rèn luyện thân tâm.

Sách *Giáo lý của Hội thánh Công giáo* trên cơ sở bàn về Điều răn thứ năm “Người không được giết người” (Xh 20, 13) bàn đến sự tự vệ hợp pháp. Theo đó: Sự tự vệ hợp pháp của các cá vị và tập thể không phải là một luật trừ đối với luật cấm giết người vô tội, tức là việc giết người có chủ ý “Hành vi của người tự vệ nguyên nó có thể có hậu quả kép: một đằng là để bảo tồn sự sống của chính mình, nhưng đằng khác lại có việc giết kẻ tấn công”, “Không gì cấm một hành vi có hậu quả, chỉ có một hậu quả là do chủ ý, còn hậu quả kia không phải do chủ ý” (Điều 2263). Bởi “Tình yêu đối với chính mình vẫn luôn là nguyên tắc căn bản của luân lý. Vì vậy, làm thế nào để được quyền được sống của chính mình được tôn trọng là điều hợp pháp. Ai bảo vệ mạng sống chính mình, thì không mắc tội giết người, mặc dù có giáng một ngón đòn chí tử vào kẻ tấn công”.

“Nếu ai bảo vệ mạng sống mình mà sử dụng bạo lực quá mức cần thiết, thì hành vi này sẽ là bất hợp pháp. Còn nếu người đó đẩy lui bạo lực một cách chừng mực, thì đó sẽ là tự vệ hợp pháp... cũng không nhất thiết là để được cứu, thì người ta phải từ khước hành vi tự vệ chừng mực, hầu tránh giết chết người khác; bởi vì người ta buộc phải lo cho sự sống của mình hơn là sự sống của người khác” (Điều 2264).

Như vậy, để bảo vệ sự sống của mình con người có quyền tự vệ. Sự tự vệ ấy chủ yếu là “đẩy lui bạo lực một cách chừng mực” tránh không để xảy ra giết người. Bởi theo Công giáo “Sự sống con người phải được coi là điều linh thánh”, vì từ lúc khởi đầu của mình, sự sống đó “đòi hỏi phải có hành động của Đấng Tạo Hóa” và mãi mãi được liên kết một cách đặc biệt với Đấng Tạo Hóa, là cùng đích duy nhất của mình. Chỉ có Thiên Chúa là Chúa của sự sống từ khi sự sống khởi

đầu cho tới khi kết thúc: Không ai, trong bất cứ hoàn cảnh nào, có thể dành cho mình quyền trực tiếp đem cái chết đến cho một thụ tạo nhân linh vô tội” (Điều 2258).

Với nền văn minh tình thương và sự sống, con người phải biết bảo vệ môi trường một trong những vấn đề nóng bỏng hiện nay đang đặt ra cho toàn nhân loại. Bởi cũng như con người, vũ trụ (ánh sáng, không khí, cỏ cây, chim trời, cá biển - mọi tạo vật) là do Thiên Chúa tạo dựng. Việc phá vỡ môi sinh là chống lại trật tự của Thiên Chúa. Con người biết bảo vệ tốt môi trường chính là một đạo lý đối với Thiên Chúa.

Tín đồ phải biết cố vũ, phấn đấu cho hòa bình. Cuốn *Tóm lược Học thuyết xã hội của Giáo hội Công giáo* viết: “Hòa bình là một giá trị và là một nghĩa vụ của hết mọi người, dựa trên một trật tự hợp lý và luân lý của xã hội, trật tự này bắt nguồn từ chính Thiên Chúa, “là nguồn sống đầu tiên, là sự thật căn bản và là thiện hảo tối cao”. Hòa bình không phải chỉ là không có chiến tranh, cũng không phải là hạ thấp xuống tới mức chỉ là giữ cho các bên thù địch nhau cân bằng quyền lực; mà đúng hơn, hòa bình được xây dựng trên việc hiểu đúng con người và đòi phải thiết lập được một trật tự dựa trên nền tảng công lý và bác ái”⁸.

Thứ năm, do quan niệm Thiên Chúa “ngự” trong chính tâm hồn của mình nên tín đồ chân chính thường sống “tiết độ”, “hãm mình”, “dọn mình”, “ăn chay”, “sám hối”, “đền tội” để giữ cho tâm hồn luôn trong sạch. Đã là tín đồ Công giáo, có lẽ không ai là không thuộc *Kinh Cải tội bảy mối*.

CẢI TỘI BẢY MỐI CÓ BẢY ĐỨC

Thứ nhất: Khiêm nhường, chớ kiêu ngạo

Thứ hai: Rộng rãi, chớ hà tiện

Thứ ba: Giữ mình sạch sẽ, chớ mê dâm dục

Thứ bốn: Hay nhịn, chớ hờn giận

Thứ năm: Kiêng bớt, chớ mê ăn uống

Thứ sáu: Yêu người, chớ ghen ghét

Thứ bảy: Siêng năng việc Đức Chúa Trời, chớ làm biếng.

Giá trị của *Kinh Cải tội bảy mối* chỉ ra cho tín đồ tu dưỡng rèn luyện thân tâm. Ở đó luân lý Công giáo đưa ra chuẩn mực để mỗi tín đồ tránh phạm tội, hay là đã phạm tội rồi đều lấy đó để trau rèn, chỉ có như vậy mới khỏi mắc tội. Còn nếu đã phạm tội rồi thì tội sẽ được cải.

Kính Chúa (đối thần) yêu người (đối nhân), thực hiện những nhân đức, nhân bản: Khôn ngoan, công bằng, can đảm, tiết độ, biết bảo vệ sự sống, biết sợ tội và cải tội mà Công giáo đòi hỏi ở mỗi tín đồ cũng chính là những tiêu chí đạo đức, tiêu chí nhân bản của con người ở mọi thời đại bởi giá trị thường hằng của nó. Người Công giáo thực hiện tốt những tiêu chí trên, họ không chỉ là con chiên ngoan đạo mà còn là một con người có ích cho xã hội. Bởi con người là chủ nhân xã hội. Con người tốt, xã hội mới tốt.

Thứ sáu, Con người/ cá nhân Công giáo phải là con người lao động. Điều này trước hết được quy định bởi Kinh Thánh. Theo Cựu Ước, Thiên Chúa tạo dựng ra con người theo hình ảnh của mình và kêu mời con người lao động trên đất đai (x St 2, 5-6), canh tác và chăm sóc vườn Eden, mà Thiên Chúa đặt con người vào trong đó (x St 2, 15). Thiên Chúa giao cặp vợ chồng đầu tiên nhiệm vụ khuất phục Trái Đất và thống trị mọi sinh vật (x St 2, 28). Tuy nhiên, đó không phải là sự thống trị bừa bãi hay độc đoán, ngược lại, con người phải “canh tác đất đai và chăm sóc” (St 2, 15) của cải do Thiên Chúa tạo dựng.... Canh tác đất đai là không bỏ mặc đất đai, thống trị mặt đất có nghĩa là chăm sóc nó.

Lao động là một phần trong tình trạng nguyên thủy của con người và đã có trước khi con người phạm tội, bởi đó, lao động không phải là một hình phạt hay là một sự chúc dữ⁹.

Lao động có một vị trí danh dự vì đó là nguồn đem lại của cải hay ít ra là nguồn đem lại những điều kiện để con người có được một cuộc sống tươi tắn, và trên nguyên tắc, đó là một công cụ hữu hiệu để chống lại sự nghèo đói.

Con người có quyền và phải lao động nhưng con người cũng được quyền nghỉ ngơi “Đỉnh cao của giáo huấn Thánh Kinh về lao động là mệnh lệnh phải nghỉ ngơi ngày Sabat (Sabbath)”¹⁰.

Theo Tân Ước, Chúa Giêsu là con người lao động. Sau khi làm người và sống giữa chúng ta, Chúa dành năm tháng sống trên đời để

lao động. Trước hết là lao động chân tay trên bàn thợ mộc tại xưởng thợ của Thánh Giuse. Ngoài ra, lao động của Chúa Giêsu còn là thi hành tác vụ trên trần gian, giải thoát con người khỏi bệnh tật, đau khổ và chết chóc.

Lao động diễn tả một chiều hướng căn bản của cuộc sống con người, như một sự tham gia không những vào hành vi sáng tạo mà còn là hành vi cứu chuộc nữa. “Lao động là một phương thể thánh hóa và như một cách làm cho các thực tại trần thế sống động lên nhờ Thánh Thần của Đức Kitô”¹¹.

Với Giáo hội Công giáo Việt Nam từ rất lâu, trong 3 ngày tết, ngày mùng ba tết Nguyên đán được Giáo hội lấy làm ngày “Thánh hóa công ăn việc làm”. Điều này thể hiện sự trân trọng, đòi buộc các tín hữu coi lao động vừa là quyền lợi vừa là nghĩa vụ mang tính trần thế nhưng đồng thời còn là tính thiêng liêng để cải hóa chính bản thân mình.

Người tín hữu Công giáo Việt Nam qua một số Thư chung nhận ra giá trị lao động. Một trong những Thư chung phải kể đến là Thư chung 1976¹², với nội dung thứ 8: *Giá trị lao động*, viết “Chúng tôi xin anh chị em hãy nhận thức đặc biệt giá trị của lao động. Thật vậy, nhờ lao động con người theo lệ thường nuôi sống mình và gia đình, liên kết với anh em và phục vụ họ, có thể thực thi bác ái đích thực và góp công vào việc kiện toàn công cuộc sáng tạo của Thiên Chúa. Hơn nữa, chúng tôi cho rằng nhờ việc làm của mình, con người cộng tác vào chính công cuộc Chúa Giêsu Kitô, Đấng đã nâng cao giá trị của lao động khi Người làm việc tại Nazareth (xem MV 67). Trong hoàn cảnh hiện tại, lao động sản xuất còn là chính sách để xây dựng một nền kinh tế tự túc, đảm bảo nền độc lập, tự do của dân tộc”¹³.

Thấm nhuần Kinh Thánh và các văn bản của Giáo hội Rôma cũng như Giáo hội Công giáo Việt Nam (mà Thư chung 1976 đề cập ở phần trên là một ví dụ), người Công giáo Việt Nam coi lao động là bổn phận trần thế của mình. Với họ (những người Kitô hữu), “xao lãng bổn phận trần thế tức là xao lãng bổn phận đối với tha nhân và hơn nữa đối với chính Thiên Chúa, khiến phần rỗi đời đời của mình bị đe dọa” (MV 43).

Sau ngày Miền Nam giải phóng, đất nước thống nhất, di hại của cuộc chiến tranh để lại là hết sức nặng nề. Đó là những năm tháng người Việt

Nam, trong đó có tín đồ Công giáo, sống ở thời kỳ “bao cấp” với biết bao khó khăn. Trong những ngày ấy, người ta thấy Tổng Giám mục Giáo tỉnh Thành phố Hồ Chí Minh - Phaolô Nguyễn Văn Bình có mặt ở một số công trường, ở vùng quê tham gia sản xuất. Các dòng tu kể cả dòng tu Nam và dòng tu Nữ đều “xuất quân”, tham gia “mặt trận sản xuất” với các hình thức khác nhau như cày cấy, làm nương rẫy, chăn nuôi, làm nghề thủ công để tự nuôi sống mình. Xuất hiện hình ảnh tu sĩ ngồi lái máy cày, nữ tu bầm bèo nuôi heo, v.v. và v.v..

Tín đồ Công giáo cả nước đều hăng say lao động sản xuất, nâng cao năng xuất lao động. Ngoài làm tốt công việc của một xã viên hợp tác xã nơi đồng áng họ còn làm thêm kinh tế phụ, tăng gia sản xuất, chăn nuôi, làm nghề phụ, với một thời nổi lên là kinh tế “vườn, ao, chuồng” để cải thiện đời sống cá nhân và gia đình, tạo thêm của cải vật chất cho xã hội.

Bước vào công cuộc đổi mới toàn diện, phát triển đất nước được khởi xướng từ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (1986), đặc biệt khi đất nước bước vào nền kinh tế thị trường, hội nhập ngày một sâu, rộng với thế giới ngày càng xuất hiện nhiều tấm gương người Công giáo sản xuất giỏi với những trang trại thu hút hàng chục lao động. Trên lĩnh vực sản xuất kinh doanh công nghiệp, thủ công nghiệp, dịch vụ ngày càng xuất hiện nhiều doanh nhân là người Công giáo. Họ bằng tài năng, trí tuệ, tinh thần dám nghĩ, dám làm vươn lên trở thành giám đốc công ty, chủ tịch hội đồng quản trị. Công ty, doanh nghiệp của họ thu hút từ hàng chục đến hàng trăm lao động giúp cho họ có công ăn việc làm, ổn định đời sống. Đó còn là sự vươn lên với tinh thần “xóa đói, giảm nghèo” của hàng vạn hộ nông dân ở khắp các vùng miền của Tổ quốc.

Để thoát nghèo, để làm giàu, đặc biệt để trở thành những chủ công ty, doanh nghiệp, người Công giáo Việt Nam luôn nâng cao học vấn của mình. Nếu như trước Công đồng Vatican II một tâm lý chung của người Công giáo, nhất là người Công giáo ở vùng nông thôn, không muốn học lên cao vì sợ lỗi đạo... thì nay đã và đang xuất hiện một đội ngũ đông đảo những trí thức trẻ là người Công giáo. Họ không chỉ là cử nhân, kỹ sư, bác sĩ mà một số người trong họ có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ các chuyên ngành khác nhau.

Như vậy, ảnh hưởng của giá trị Công giáo Việt Nam tới cá nhân/tín đồ là toàn diện. Tuy nhiên, quy lại là sống tốt đời, đẹp đạo, hay như đường hướng mà Hội đồng Giám mục Việt Nam đặt ra từ Thư chung 1980 là “Sống Phúc âm giữa lòng dân tộc để phục vụ hạnh phúc của đồng bào”. Sống Phúc âm đòi buộc tín đồ/cá nhân phải làm tròn bổn phận của mình với Thiên Chúa với các Thánh thông công. Quan niệm Công giáo cho rằng, con người là chi thể của Thiên Chúa, bị ràng buộc bởi Thiên Chúa, con người do Thiên Chúa tạo dựng được yêu thương và cứu độ. Với người Công giáo “Thiên Chúa là tình yêu” vì vậy mà mỗi tín đồ/cá nhân phải yêu mến Thiên Chúa hết lòng trí. Sống Phúc âm không chỉ là chu toàn việc sống đạo với việc chăm lễ lạy đi hết nhà thờ nọ đến nhà thờ kia để được ơn ích mà còn là chứng đạo giữa đời, đem những điều tốt lành - Phúc âm vào cuộc sống. Với cuộc sống trần thế, tín đồ/cá nhân phải như men trong bột. Tín đồ/cá nhân người Công giáo Việt Nam phải là người yêu mến quê hương, đất nước, gắn bó với dân tộc. Thư chung 1980, Đoạn 10 viết: “Chúng tôi muốn khẳng định rằng, yêu tổ quốc, yêu đồng bào, đối với người Công giáo không những là một tình cảm tự nhiên phải có, mà còn là một đòi hỏi của Phúc âm” và “Lòng yêu nước của chúng ta phải thiết thực, nghĩa là chúng ta phải ý thức những vấn đề hiện tại của quê hương, phải hiểu biết đường lối, chính sách và pháp luật của Nhà Nước, và tích cực cùng đồng bào toàn quốc góp phần bảo vệ và xây dựng một nước Việt Nam giàu mạnh, tự do và hạnh phúc.

Trong công cuộc phục vụ quê hương, Phúc âm cho chúng ta ánh sáng và sức mạnh để khắc phục các khó khăn và các xu hướng cá nhân ích kỷ, nêu cao tinh thần phục vụ của bác ái phổ quát, hướng tới cảnh “Trời Mới Đất Mới” (Kh 21,1), trong đó tất cả đều hòa hợp hạnh phúc. Và khi phải phấn đấu, xóa bỏ những điều tiêu cực, chúng ta có ơn của Chúa Kitô phục sinh để mặc lấy con người mới công chính và thánh thiện”.

Sống “tốt đời, đẹp đạo” nghĩa là người Công giáo làm tốt nghĩa vụ của tín đồ, đồng thời còn làm tốt nghĩa vụ công dân. Về điểm này, người Công giáo Việt Nam nhận được sự cổ súy của Giáo hoàng Benedict XVI (4/2005 - 2/2013). “Điều rất đáng mong ước là khi dạy cho con cái biết sống theo lương tâm ngay thẳng, trong sự liêm chính và sự thật, thì mỗi gia đình Công giáo trở nên trung tâm các giá trị và đức tính nhân bản, một trường dạy đức tin và đức mến đối với Thiên Chúa.

Về phần họ, bằng đời sống xây nền trên đức ái, sự liêm chính, việc quý trọng công ích, anh chị em giáo dân phải chứng tỏ rằng là người Công giáo tốt cũng là người công dân tốt” (*Huấn từ* của Giáo hoàng Benedict XVI với đoàn giám mục Việt Nam đi Adlimina tháng 6/2009)

Kể từ sau khi đón nhận *Huấn từ* của Giáo hoàng Benedict XVI, Giáo hội Công giáo Việt Nam đẩy lên phong trào “Là người Công giáo tốt cũng là người công dân tốt”. Người Công giáo Việt Nam ngày càng nhận thức rõ hơn và hành động có hiệu quả hơn trách nhiệm tín đồ và trách nhiệm công dân.

2. Giá trị Công giáo Việt Nam đối với gia đình người Công giáo

2.1. Gia đình trong Kinh Thánh và một số văn kiện của Giáo hội Công giáo

Kinh Thánh thường xuyên nhấn mạnh tầm quan trọng và vị trí trung tâm của gia đình so với con người và xã hội. Thiên Chúa tạo dựng ra con người (x St 1, 26-28; 2, 7-24) song Thiên Chúa cho rằng “Con người ở một mình không tốt” (St 2, 18), vì vậy theo kế hoạch của Thiên Chúa - Adam và Eva trở thành “hình thức hiệp thông đầu tiên giữa con người với nhau”. Eva được tạo dựng để cùng với Adam làm thành “một xương một thịt” (St 2, 24; Mt 19, 5-6). Đồng thời, cả hai cùng tham gia vào việc sinh sản khiến họ trở thành người cộng sự với Đấng Tạo Hóa. “Hãy sinh sôi nảy nở thật nhiều, làm cho đầy mặt đất” (St 1, 28). Kinh Thánh cũng như Huấn quyền, đặc biệt là *Học thuyết xã hội của Giáo hội Công giáo* nhấn mạnh đến yếu tố thần học của gia đình Công giáo. Đó là một trong những kế hoạch của Đấng Tạo Hóa. “Trong kế hoạch của Đấng Tạo Hóa gia đình được coi là “nơi đầu tiên diễn ra quá trình “nhân hóa” cá nhân và xã hội”, là “chiếc nôi của sự sống và tình yêu”¹⁴. Với Giáo hội, Gia đình Chúa Giêsu Kitô - Thánh gia - là một mẫu gương. Chúa Giêsu sinh ra và lớn lên trong gia đình cụ thể, chấp nhận những đặc điểm gia đình. Trong gia đình cụ thể này, Chúa Giêsu “đem lại cho định chế gia đình phẩm giá cao quý nhất, đó là biến gia đình thành một bí tích giao ước mới” (x Mt 19, 3-9).

Gia đình - xã hội tự nhiên đầu tiên

Gia đình chính là nơi con cái học những bài học đầu tiên và quan trọng nhất về sự khôn ngoan thiết thực, một sự khôn ngoan có liên quan đến các đức tin. Về điểm này, Công giáo bắt đầu từ Giêsu và gia

đình của Ngài. Đức Giêsu được sinh ra và lớn lên trong một gia đình cụ thể, chấp nhận những đặc điểm của gia đình và đem lại cho gia đình phẩm giá cao quý nhất (x Mt 19, 3-9). Gia đình được khai sinh từ sự hiệp thông thân tình trong cuộc sống và trong tình yêu, dựa trên hôn nhân giữa một người nam và một người nữ. Gia đình vốn có chiều hướng xã hội riêng biệt và độc đáo, đó là nơi chủ yếu diễn ra các mối quan hệ liên vị, là tế bào đầu tiên và sống động của xã hội. Gia đình là một định chế thần linh làm nền tảng cho cuộc sống con người, là nguyên mẫu đầu tiên của mọi tổ chức xã hội. Vì vậy, Giáo hội Công giáo coi gia đình như là xã hội tự nhiên đầu tiên, với những quyền lợi tự nhiên riêng của gia đình, đồng thời đặt gia đình làm trung tâm của đời sống xã hội.

Gia đình có một tầm quan trọng cốt yếu liên quan đến con người

Gia đình là nơi con người được sinh ra và lớn lên. Ngay từ khi được thụ thai, con người được mời gọi “từ trong nơi sâu thẳm nhất của chính mình để hiệp thông với những con người khác và trao ban bản thân mình cho những con người khác. Chính tại gia đình, con người tiếp nhận những ý tưởng đầu tiên mang tính giáo dục về sự thật và sự tốt lành, cũng như học được thế nào là yêu và được yêu, và từ đó biết được làm người thực ra là gì. Trong bầu khí thân mật tự nhiên ấy, nói kết mọi người trong gia đình lại với nhau, mỗi người được nhìn nhận và học biết trách nhiệm của mình trong toàn bộ cuộc đời mình. Các bổn phận của mỗi người trong gia đình không chỉ dừng lại với những gì được quy định như trong một hợp đồng, mà rút ra từ chính bản chất của gia đình, dựa trên giao ước hôn nhân không thể thay đổi và dựa trên cơ cấu có sẵn trong các mối quan hệ, xuất hiện trong gia đình kể từ khi sinh con hay nhận con.

Gia đình một cộng đồng tự nhiên, mang bản tính xã hội, có tầm quan trọng đối với xã hội

Một xã hội nếu xây dựng trên nền tảng gia đình sẽ là sự bảo đảm tốt nhất cho xã hội khỏi bị cuốn vào chủ nghĩa cá nhân hay chủ nghĩa tập thể. Chỉ trong gia đình, con người mới được quan tâm, được coi như một mục tiêu, không bao giờ bị coi như một phương tiện. Lợi ích cá nhân và sự vận hành tốt đẹp của xã hội đều có liên quan mật thiết với “tình trạng lành mạnh của đời sống hôn nhân và gia đình”. Gia đình ổn định góp phần ổn định xã hội. Trong gia đình, các giá trị luân lý được

dạy dỗ ngay từ những năm đầu tiên của cuộc đời, những di sản thiêng liêng của quốc gia, của cộng đồng được trao truyền, gìn giữ. Trong gia đình, người ta học biết trách nhiệm xã hội và tình liên đới.

Với chức năng sinh sản, gia đình chính là điều kiện để cho xã hội và quốc gia tồn tại. Gia đình không hiện hữu vì xã hội hay quốc gia, mà xã hội hay quốc gia hiện hữu vì gia đình.

Gia đình đặt nền tảng của hôn nhân tự do của hai vợ chồng, đồng thời trên sự tôn trọng ý nghĩa và các giá trị của định chế này, một định chế tùy thuộc chính Thiên Chúa

Bởi chính Thiên Chúa là tác giả của cuộc hôn nhân. Thiên Chúa ban cho hôn nhân những ơn ích và mục tiêu khác nhau. Vì vậy, định chế hôn nhân - tức là sự cộng tác thân mật trong sự sống và tình yêu... do Đấng Tạo Hóa thiết lập và đã được ấn định cho những quy luật riêng - không phải là kết quả của những thỏa thuận giữa con người với nhau, cũng không phải là kết quả của những quy định pháp lý, nó có được sự ổn định là do quyết định của Thiên Chúa.

Hôn nhân là một hành vi nhân linh, qua đó hai bên trao phó bản thân mình cho nhau và được xây dựng dựa trên chính bản tính của tình yêu vợ chồng, một tình yêu được xem như một sự trao tặng toàn vẹn và độc quyền mà người này dành cho người kia, khiến hai bên dứt khoát trao thân cho nhau, và điều này được biểu lộ qua việc hai bên bày tỏ sự ưng thuận với nhau cách công khai và không thể rút lại.

Hôn nhân Công giáo vừa mang tính bẩm sinh vừa mang tính vĩnh viễn, không quyền lực nào xóa bỏ quyền tự nhiên của con người là được kết hôn và cũng không quyền lực nào có thể thay đổi các đặc tính và mục tiêu của hôn nhân.

Hôn nhân Công giáo có những đặc thù: *toàn vẹn*: tức là vợ chồng trao thân cho nhau trong mọi khía cạnh của con người mình, về thể lý cũng như về tinh thần; *hợp nhất*, để hai vợ chồng trở nên “một xương một thịt” (St 2,24); *bất khả phân ly* và *trung tín* như việc dứt khoát trao thân cho nhau đời đời; *sinh con* như một điều mà chính hôn nhân tự nhiên hướng tới. Chế độ *đa thê* bị chối bỏ “vì đa thê đi ngược lại phẩm giá bình đẳng của người nam và người nữ đã trao thân cho nhau trong hôn nhân bằng một tình yêu toàn vẹn, và bởi đó, duy nhất và không chia sẻ”.

Hôn nhân dẫn đến việc sinh sản và giáo dục con cái. Nhưng hôn nhân không được lập ra chỉ vì lý do sinh sản. Tính bất khả phân ly và giá trị hiệp thông của hôn nhân vẫn giữ nguyên giá trị kể cả khi đôi vợ chồng không có khả năng sinh con. Trong trường hợp này họ có thể nhận con nuôi.

Hôn nhân là một bí tích

Bí tích Hôn nhân mang lại cho các đôi vợ chồng và cha mẹ Kitô giáo một khả năng và một sự cam kết sống trọn ơn gọi giáo dân của mình, và từ đó “tìm kiếm Nước Chúa” bằng cách tham gia vào các việc trần thế và sắp xếp chúng theo đúng kế hoạch của Thiên Chúa. Khi được kết hợp mật thiết với Giáo hội nhờ Bí tích Hôn nhân - bí tích đã làm cho gia đình Kitô giáo trở thành một “Giáo hội tại gia” hay một “Giáo hội thu nhỏ” - Gia đình Kitô giáo được kêu gọi hãy “trở nên dấu chỉ hợp nhất cho thế giới, và bằng cách đó, thi hành vai trò ngôn sứ của mình qua việc làm chứng cho Nước Trời và bình an của Đức Kitô, mà cả thế giới này đang trên đường tiến về đích điểm đó”.

Quan hệ hôn nhân phải bền vững và không thể phân ly - đó chính là bản chất của tình yêu vợ chồng

Chỉ trong những trường hợp đặc biệt người Công giáo mới được phép ly hôn. Quan điểm của Công giáo cho rằng: *Đưa ly dị vào trong pháp chế dân sự là tiếp sức thêm cho quan niệm tương đối hóa sự ràng buộc của hôn nhân* và việc nó được phổ biến khắp nơi trở thành “một nạn dịch thực sự cho xã hội”.

Đối với những người tái kết hôn sau khi ly dị, Giáo hội không hề bỏ rơi họ và khích lệ họ vượt qua những khó khăn mà họ gặp phải trong đời sống thiêng liêng, đồng thời nâng đỡ họ trong đức tin và đức cậy. Những người này - trong tư cách là những người đã chịu phép rửa - Giáo hội khuyến khích họ tham dự vào đời sống Giáo hội, tham dự Thánh lễ, kiên trì cầu nguyện, làm các việc bác ái, tham gia vào các dự án phục vụ cộng đồng, giáo dục con cái, làm các việc đền tội để ngày ngày cầu xin ơn Chúa.

Cho đến nay, lập trường của Giáo hội vẫn kiên trì người ly dị không được nhận Bí tích Thánh thể (Rước lễ/ Bí tích Mình Thánh Chúa). Quan điểm của Giáo hội là “Chỉ có thể ban sự hòa giải qua Bí tích Sám Hối - là bí tích mở đường cho họ đến với Bí tích Thánh Thể - cho

những ai sau khi ăn năn, đã thật lòng quyết tâm sống một nếp sống mới, không còn đi ngược lại sự bất khả phân ly của hôn nhân nữa.

Sở dĩ Giáo hội có lập trường như vậy là vì Giáo hội một mặt tỏ rõ nguyên lý hôn nhân bất khả phân ly, mặt khác biểu lộ tình mẫu tử đối với con cái mình, nhất là những người không do lỗi mình mà bị người bạn đời chính thức của mình ruồng bỏ. Giáo hội tin tưởng chắc chắn rằng ngay cả những người đã lìa bỏ giới răn của Chúa và vẫn đang sống trong tình trạng ấy đều có thể được Chúa ban ơn hoán cải và cứu độ, nếu họ kiên trì cầu nguyện, đền tội và sống bác ái.

Cho đến nay, Giáo hội vẫn không công nhận sự kết hợp giữa những người đồng tính luyến ái. Dựa trên quan điểm nhân học, Giáo hội nhận thấy “không thích hợp chút nào khi đòi hỏi dành quy chế “hôn nhân” cho những sự kết hợp giữa những người đồng giới. Bởi nó chống lại sự cộng tác giữa hai người ấy *sinh hoa kết quả* qua việc thông truyền sự sống theo kế hoạch của Thiên Chúa. Và chỉ khi có sự kết hợp giữa hai người khác nhau về giới tính, mỗi cá nhân mới có thể đạt tới tình trạng hoàn hảo nhờ vừa có sự hợp nhất giữa hai người vừa có sự bổ túc về tâm sinh lý giữa hai người ấy.

Tuy nhiên, Giáo hội vẫn *tôn trọng những người đồng tính luyến ái một cách đầy đủ trong chính nhân phẩm của họ*. Giáo hội khuyến khích họ thực hành đức khiết tịnh. Song không vì thế mà Giáo hội bênh vực sự hợp pháp hóa một hành vi không phù hợp với luân lý, càng không có nghĩa là bênh vực việc nhìn nhận quyền kết hôn giữa những người đồng giới và coi việc ấy ngang hàng với gia đình. Bởi vì sự bền vững của hạt nhân gia đình chính là nguồn mang tính quyết định làm cho cuộc sống trong xã hội có chất lượng. “Nhiệm vụ của cộng đồng Kitô giáo và tất cả những ai tha thiết với ích lợi của xã hội là phải tái khẳng định rằng: “Gia đình không chỉ là một đơn vị pháp lý, xã hội và kinh tế, mà còn là một cộng đồng yêu thương và liên đới, là môi trường duy nhất thích hợp để dạy dỗ và truyền đạt những giá trị văn hóa, đạo đức, xã hội, tâm linh và tôn giáo, một việc rất cần để phát triển và xây dựng hạnh phúc cho các thành viên trong gia đình và cho xã hội.

Gia đình là thánh điện của sự sống

Việc sinh sản làm nền tảng làm cho gia đình trở thành một cộng đồng sự sống nhân loại, một cộng đồng các ngôi vị hợp nhất với nhau

trong tình yêu. Đứa trẻ nào cũng trở thành quà tặng cho anh chị em, cha mẹ và toàn thể gia đình của nó. *Sự sống của nó trở thành quà tặng cho chính những người đã ban cho nó sự sống.* Gia đình là nơi trong đó sự sống - quà tặng của Thiên Chúa - được tiếp đón và bảo vệ. Gia đình có vai trò cổ vũ và xây dựng nền văn hóa sự sống. Một mặt, vợ chồng không được ích kỷ để hạn chế hay là không sinh sản, mặt khác tùy vào mỗi điều kiện mà vợ chồng sinh con có trách nhiệm khi quyết định có đông con hay không. Giáo hội nghiêm cấm việc phá thai, coi đó là một tội ác đáng ghê tởm và là một sự phá hoại trật tự luân lý một cách nghiêm trọng, đó chính là chống lại sự sống. Việc ngừa thai dưới nhiều hình thức khác nhau cũng cần loại bỏ, tuy nhiên được phép vận dụng sự tiết dục định kỳ trong thời gian có thể mang thai của người phụ nữ. Giáo hội không chấp nhận mọi *kỹ thuật sinh sản* như cung cấp tinh dịch hoặc trứng, mang thai thể cho người mẹ, thụ tinh nhân tạo với tinh trùng lạ - sử dụng tử cung một người phụ nữ khác hay sử dụng các tế bào sinh dục của những người không phải của vợ chồng đã kết hôn vì như thế là đã làm hại tới quyền đứa trẻ phải được sinh ra từ một người cha và một người mẹ. Việc nhân bản vô tính bị Giáo hội lên án mạnh mẽ. Giáo hội chú ý tới chiều hướng thiêng liêng của việc sinh sản tự nhiên hơn bất cứ chiều hướng nào khác.

Gia đình đóng một vai trò hoàn toàn độc đáo và không thể thay thế được trong việc dạy dỗ con cái

Đây vừa là quyền lợi và nghĩa vụ *thiết yếu* vì nó liên kết với việc lưu truyền sự sống. Cha mẹ có nghĩa vụ và quyền cung cấp một nền giáo dục tôn giáo và một sự đào tạo luân lý cho con cái mình, một quyền mà Nhà nước không thể hủy bỏ và phải tôn trọng. Cha mẹ là nhà giáo dục đầu tiên nhưng không phải là duy nhất, vì vậy phải cộng tác chặt chẽ với các cơ quan dân sự và Giáo hội. Gia đình có trách nhiệm cung cấp một sự giáo dục toàn diện. Trong việc giáo dục con cái, vai trò của người cha và người mẹ như nhau. Cha mẹ cũng có trách nhiệm đặc biệt trong việc giáo dục giới tính.

Con cái phải được tôn trọng về phẩm giá và quyền lợi

Gia đình là là một cộng đồng các ngôi vị người ta cần phải quan tâm đặc biệt bằng cách phát triển lòng quý mến sâu xa phẩm giá riêng của chúng, tôn trọng và quảng đại lưu tâm đến các quyền lợi của

chúng. Quyền đầu tiên của con cái là quyền được sinh ra trong một gia đình thực sự, quyền được chăm sóc về sức khỏe, cung cấp lương thực, được học hành...

Gia đình là chủ thể tích cực tham gia vào đời sống xã hội

Gia đình được xây dựng trên tình yêu vì được sinh ra và lớn lên trong tình yêu, nên các thành viên sẽ thấy sự liên đới là một yếu tố làm nên gia đình và cơ cấu hóa gia đình. Một sự liên đới có thể mang hình thức phục vụ và quan tâm tới những người nghèo khổ, túng thiếu, những người mồ côi, tàn tật, ốm đau, cao tuổi, những người sâu não, đang sống trong nghi ngờ, cô đơn hay bị bỏ rơi.

Quan hệ giữa gia đình và đời sống kinh tế là một điều có ý nghĩa đặc biệt. Gia đình và lao động được liên kết với nhau bằng một mối quan hệ hết sức đặc biệt. Bởi vì gia đình là một trong những điểm quy chiếu quan trọng nhất để làm nên trật tự xã hội và đạo đức cho lao động con người. Quan hệ này bắt nguồn từ mối quan hệ đã có giữa con người với quyền được hưởng thành quả lao động của mình, và có liên hệ không chỉ với con người xét như một cá thể đơn lẻ mà còn như một thành viên trong gia đình, được hiểu như một *xã hội tại gia*. Lao động vẫn là điều thiết yếu bao lâu nó còn là điều kiện để người ta có thể xây dựng một gia đình, vì các phương tiện nuôi sống gia đình có được là nhờ lao động. Trong mối tương quan giữa gia đình và lao động cần chú ý đặc biệt tới vấn đề lao động của phụ nữ trong gia đình được gọi là “nội trợ”, đó là một sự phục vụ tận tụy nhằm làm cho cuộc sống có chất lượng, là một kiểu lao động mang tính hết sức cá nhân và có sức nhân bản hóa và nó cần phải được xã hội công nhận và đánh giá cao¹⁵.

Như vậy, giá trị về gia đình được phản ánh trong Kinh Thánh và một số văn kiện là hết sức phong phú. Những giá trị ấy không phải phản ánh toàn bộ một lúc, có một số vấn đề cùng với thời gian khi xã hội phát sinh lúc đó một số văn kiện của Giáo hội La Mã mới được ban hành để chế định. Chẳng hạn như việc nạo phá thai, như hôn nhân đồng tính...

2.2. Những biểu hiện cụ thể giá trị của Công giáo Việt Nam trong gia đình người Công giáo

Một lối sống thủy chung một vợ một chồng

Hôn nhân được người Công giáo xem là việc hệ trọng của cuộc đời, liên quan đến chính cuộc đời của họ từ khi kết hôn cho đến khi qua đời. Ngay từ nhỏ, qua các lớp giáo lý, các em đã được linh mục, gia đình, hoặc các giáo lý viên cung cấp những hiểu biết về giới tính, về ý nghĩa của hôn nhân. Khi trưởng thành, người Công giáo đều phải học giáo lý hôn nhân, hiểu cặn kẽ tính thánh thiêng (Bí tích) hôn nhân, vai trò trách nhiệm của người vợ và người chồng. Sau kỳ học họ phải thông qua sát hạch. Chỉ khi nào đủ tiêu chuẩn, được cấp giấy công nhận việc học mới được hoàn tất. Đây là một trong những điều kiện bắt buộc của bất kỳ đôi nam nữ nào muốn kết hôn.

Do hiểu giá trị hôn nhân, người Công giáo luôn xem hôn nhân là một việc đúng đắn. Việc tìm hiểu người bạn đời với họ phải thật kỹ càng. Vì khi đã kết hôn rồi họ không có quyền ly dị (trừ một vài trường hợp đặc biệt). Bởi người Công giáo chỉ được phép hôn nhân một vợ, một chồng theo quan niệm: “Sự gì Thiên Chúa đã phối hợp, loài người không được phân ly” (Mc 10, 9). Đó là nguyên tắc bất khả phân ly, hay còn gọi là tính đơn nhất (một vợ, một chồng). “Khi đã kết hôn, người nam không thể là chồng của người nữ nào khác ngoài vợ mình, và người nữ cũng không thể là vợ của người nam nào khác ngoài chồng của mình”¹⁶. Do vậy, với người Công giáo, không có gia đình đa thê.

Sống thủy chung, gia đình một vợ, một chồng phù hợp với *Luật hôn nhân và gia đình* (2001) của Việt Nam. Điều 4 quy định: “Cấm người đang có vợ, có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với những người đang có chồng, có vợ”¹⁷.

Hôn nhân trong Công giáo tự do, tự nguyện và mang giá trị thiêng

Một đám cưới của người Công giáo được xem là thành sự khi người nam và người nữ tự do luyện ái, tự nguyện đến với nhau. Trong Thánh lễ hôn phối ở nhà thờ Công giáo, linh mục, vị chủ hôn phối cũng là chủ tế thánh lễ bao giờ cũng hỏi người nam và người nữ xem họ có thật sự tự do luyện ái, có thật sự tự nguyện đi đến hôn nhân hay không. Chỉ khi nào họ trả lời rằng có khi ấy linh mục với thực hiện các bước tiếp theo.

Trước khi được thánh hiến với một bí tích riêng và chịu phép Thánh thể, người nam (chú rể) trao nhẫn cho người nữ (cô dâu) và nói

lời giao ước với người nữ, đại ý tên người Nam (kể cả tên Thánh) yêu người Nữ (kể cả tên Thánh) lúc trẻ cũng như lúc già, lúc khỏe cũng như ốm đau... Sau đó người Nữ cùng nói với người Nam những nội dung trên. Họ cùng nhau ký vào sổ hôn phối, chính thức là đôi vợ chồng. Thông qua nghi lễ hôn nhân tổ chức trong nhà thờ dưới sự chủ trì của vị linh mục mà hôn nhân Công giáo trở nên thiêng liêng. Giá trị thiêng đó có nguồn ủy từ Kinh Thánh, bởi chính Thiên Chúa đã tác hợp cho người nam và người nữ để họ trở thành vợ chồng. Giá trị thiêng được chuẩn nhận qua Thánh lễ tổ chức long trọng ở nhà thờ Công giáo dưới sự chủ trì của chủ tế, sự chứng giám của Thiên Chúa. Và khi đã nên vợ, nên chồng, họ “thánh hóa” lẫn nhau và cùng nhau tôn vinh Thiên Chúa.

Hôn nhân Công giáo không chấp nhận hôn nhân đồng tính

Quan niệm của Công giáo về hôn nhân là sự kết hợp giữa một người nam và một người nữ và tự bản tính của hôn nhân là sự truyền sinh nên Công giáo không chấp nhận hôn nhân đồng tính, coi đó là suy đồi, bệnh hoạn tâm lý, đặc biệt là chống lại sự trật tự của Thiên Chúa. Điều rất đáng ngạc nhiên là Sách Lê Vi (Cựu Ước), phần nói về *Tội liên quan đến gia đình* đã lên án gay gắt hôn nhân đồng tính: “Khi người đàn ông nào nằm với một người đàn ông như nằm với đàn bà, thì cả hai đã làm điều ghê tởm” (Lv 20, 13).

Như phần trên đề cập, mặc dù phản ứng rất gay gắt và lên án mạnh mẽ hôn nhân đồng tính nhưng Giáo hội Công giáo vẫn “tôn trọng những người đồng tính luyện ái một cách đầy đủ trong chính nhân phẩm của họ”. Vấn đề hôn nhân đồng tính đang là vấn đề “nóng” trên thế giới cũng như ở Việt Nam. Song với người Công giáo, hiện chúng tôi chưa có một tài liệu nào cho thấy có hôn nhân đồng tính trong cộng đồng người Công giáo. Chính vì vậy cho đến nay gia đình của người Công giáo vẫn giữ được nếp của gia đình truyền thống.

Giá trị hôn nhân của Công giáo được cụ thể hóa trong Hương ước làng Công giáo vùng Đồng bằng Bắc Bộ

Công cuộc truyền giáo, phát triển Công giáo ở Việt Nam tạo ra làng Công giáo. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ là nơi làng Công giáo biểu hiện rõ nhất. Do chuyển đổi từ làng Việt truyền thống mà thành nên làng Công giáo trước hết mang những đặc trưng tiêu biểu của làng

Việt. Song do là làng mà ở đó toàn bộ hoặc hầu hết cư dân gia nhập Công giáo nên ở đó chứa đựng những nét đặc thù của Công giáo. Khi đã ổn định vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, nhiều làng Công giáo ban hành hương ước (cũng có khi là khoán ước) để duy trì những phép tắc của làng về chính trị, kinh tế, xã hội, tôn giáo. Phần lớn các hương ước của làng Công giáo đều dành một số điều quy định về việc hôn nhân. Những quy định này đều dựa trên quy định của Kinh Thánh và một số văn bản của Giáo hội rồi Việt hóa để người dân - tín đồ thực hiện, và từ đó trở thành một trong những nội dung nếp sống đạo của người Công giáo Việt Nam.

Nguyên tắc kết hôn một vợ một chồng mà các hương ước gọi là “phép nhất phu, nhất phụ” đưa đến cho người Công giáo Việt Nam một lối sống thủy chung vợ chồng, gìn giữ và vun đắp gia đạo. Những việc làm đi ngược với lối sống thủy chung, chà đạp nhân luân đều phải chịu những hình phạt nặng nề. Đến hiện tại từ truyền thống, ngày nay người Việt Nam Công giáo vẫn đang cố gắng duy trì lối sống thủy chung vợ chồng trong điều kiện xã hội có nhiều biến đổi. Những ghi nhận từ các cơ quan chức năng cho thấy về cơ bản người Công giáo Việt Nam vẫn duy trì hôn nhân bền vững, tỷ lệ ly dị ít hơn nhiều so với người ngoài Công giáo.

Sống đời sống thủy chung vợ chồng, tạo nền tảng vững chắc cho gia đình. Con cái không chịu cảnh phân ly, nhận được cả tình thương và trách nhiệm của bố, mẹ, có điều kiện học hành vươn tới. Đó là một trong những nhân tố quan trọng để xã hội phát triển.

Gia đình Công giáo Việt Nam luôn sống theo mẫu gương gia đình Chúa Giêsu Kitô (được gọi là Thánh gia), giá trị Hiếu, Để được đề cao

Trong gia đình, cá vị mỗi người được tôn trọng. Ở đó con cái được nuôi nấng dạy dỗ nên người. Bố, mẹ là những tấm gương tiêu biểu, hy sinh hết mình vì con cái. Người Công giáo quan niệm sinh con trai, con gái không thật nặng nề. Họ luôn quan tâm đến việc dạy con cái biết chu toàn luật Thiên Chúa, biết giữ gìn và tránh xa tội lỗi, sa đọa.

Con cái biết thực hiện bổn phận của mình là phải tôn kính cha mẹ (lòng hiếu thảo). Đó là việc con cái thực hiện Điều răn thứ tư trong mười điều răn: “Thảo kính cha mẹ”. Lòng thảo kính dựa trên sự biết ơn đối với những người sinh thành, nuôi dưỡng mình nên người. Lòng hiếu

thảo của con cái được bày tỏ qua sự ngoan ngoãn, vâng lời chân thành, tuân giữ mọi điều cha mẹ dạy. Người Công giáo biết sống có trách nhiệm đối với cha mẹ, trợ giúp cha mẹ về vật chất và tinh thần, chăm sóc cha mẹ lúc tuổi già, khi bệnh tật, cô đơn túng thiếu. Lòng hiếu thảo còn thể hiện anh chị em trong gia đình ăn ở chan hòa, khiêm tốn, hiền từ, mẫu mực, nhẫn nại, lấy tình bác ái mà chịu đựng lẫn nhau.

Song, ngoài những giá trị thần học, giá trị thiêng, với người Công giáo, gia đình còn có những giá trị “đời”, mà trước hết là giá trị đạo đức về lòng biết ơn đấng sinh thành, dưỡng dục họ nên người. Bởi “Gia đình đóng một vai trò hoàn toàn độc đáo và không thể thay thế được trong việc dạy dỗ con cái”. Tình yêu của cha mẹ - dành để phục vụ cho con cái bằng cách làm phát sinh ra từ chúng những điều tốt đẹp nhất nguồn mạch, tình yêu của cha mẹ còn là nguyên lý *làm sinh động*, và bởi đó, cũng là *chuẩn mực* khơi gợi và hướng dẫn mọi hoạt động giáo dục cụ thể, làm cho các hoạt động ấy thêm phong phú nhờ những giá trị như nhân hậu, kiên trì, tốt bụng, phục vụ, vô vị lợi và hy sinh bản thân, là những hoa trái quý giá nhất của tình yêu”¹⁸.

Với cha mẹ, một trong mười điều răn của Thiên Chúa đối với người Công giáo là “Thảo kính” - Điều răn thứ bốn.

Người Công giáo Việt Nam đại bộ phận là người nông dân hiền lành chất phác. Với họ, sự tiếp nhận những giá trị thiêng được trình bày trong Kinh Thánh hay những bài giảng của vị chủ chăn trong Thánh lễ trên thực tế có lẽ ở một mức độ hạn chế vì tính cao siêu và vì trước Công đồng Vatican II vị chủ tế giảng lễ bằng tiếng Latinh. Bởi vậy, người Công giáo chỉ quen sống đời sống đạo: một lối sống với Thiên Chúa và thánh thông công nghiêng về *Lòng đạo đức bình dân*¹⁹. Còn với gia đình, nhất là đạo lý uống nước nhớ nguồn, họ sống đạo theo *lòng đạo đức truyền thống*. Lòng đạo đức này được hiểu có sự đan xen, dung hợp giữa lối sống đạo với văn hóa đạo đức truyền thống của dân tộc Việt Nam. Việc đền đáp công ơn sinh thành dưỡng dục của người Công giáo đối với đấng sinh thành thể hiện ở nhiều chiều cạnh. Chẳng hạn, họ cố gắng trở thành người con ngoan. Vâng lời dạy bảo của cha mẹ; Họ luôn thực hành tốt giới răn của Công giáo, làm tròn bổn phận của một tín đồ, đáp ứng được lòng mong mỏi của cha mẹ. Với người Công giáo, cụ thể là với gia đình người Công giáo, một trong những điều cha mẹ thỏa lòng là con cái họ tiếp tục là tín đồ giữ

đạo. Cha mẹ sẽ đau lòng biết bao khi con cái họ là người không đạo, nhất đạo, nhất là cải đạo hoặc bỏ đạo. Trên thực tế, có những gia đình Công giáo không chịu nổi “búa rìu” dư luận của cộng đồng khi con cái của họ bỏ đạo, phải dời làng đến nơi khác sinh sống.

Đạo lý của con cái đối với đấng sinh thành, dưỡng dục còn đặt trọng tâm vào việc “thảo kính cha mẹ”. Đó là việc quan tâm đến bố mẹ, ông bà. Chăm sóc khi họ còn sống, đặc biệt khi họ ốm đau bệnh tật, lúc về già. Khi bố mẹ qua đời con cái lo chu toàn cả về phần đạo cũng như phần đời. Dù đêm khuya, mưa dông, bão tố hoặc rét cắt da thịt nhưng vào thời khắc bố mẹ lâm chung họ phải tìm mọi cách đón được linh mục xứ đến để cha mẹ họ được nói lời trấn trối, được linh mục xứ nâng đỡ, đặc biệt là được linh mục xứ ban “của ăn đàng” để họ thanh thản ra đi vào cõi vĩnh hằng, mà người Công giáo gọi là “về Nhà Cha”. Con cháu quây quần bên cha mẹ đọc kinh, an ủi để họ được bình an, bình thản ra đi như đi vào giấc ngủ. Con cái lo đưa xác cha mẹ đến nhà thờ xứ làm phép xác rồi sau đó đưa đi an táng ở nghĩa địa mà người Công giáo gọi là *vườn thánh*. Nếu xứ đạo không có vườn thánh, người qua đời được an táng chung với người qua đời thuộc các tôn giáo khác thì sau khi đào huyệt xong, con cháu phải mời linh mục đến làm phép huyệt.

Hình thức tưởng niệm người quá cố của người Công giáo về cơ bản giống hình thức tưởng niệm người quá cố của người Việt truyền thống. Ba ngày đầu thăm mộ, 49 hoặc 100 ngày, giỗ đầu (tiểu tường), giỗ hết (đại tường). Những ngày giỗ con cháu đều trình linh mục quản xứ để được xin lễ bàn thờ. Để rồi sau thánh lễ, linh mục rao tên thánh người quá cố để cộng đồng cùng hiệp nguyện cho linh hồn người quá cố. Ngoài nghi thức ở nhà thờ là nghi thức tại gia, con cháu người quá cố nhằm ngày họ qua đời cùng nhóm họp để cầu nguyện. Bà con hàng xóm lân cận thường cùng đến hiệp nguyện. Sau Công đồng Vatican II, người Công giáo Việt Nam được phép thờ cúng tổ tiên. Bàn thờ tổ tiên có thể là cố định hay bàn thờ tạm. Một nguyên tắc bất di bất dịch là bàn thờ tổ tiên phải đặt dưới bàn thờ Chúa. Trên bàn thờ thường có bát hương (hoặc lư hương, đỉnh đồng), lọ hoa, đèn (hoặc nến), chén đựng nước. Vào ngày giỗ người thân thấp hương, vái lạy. Trên bàn thờ là hoa quả, cũng có khi bày một số món ăn mặn mà sinh thời người quá cố thích.

Hằng năm, vào ngày 2 tháng 11 (DL) người Công giáo dành riêng ngày này để tưởng nhớ cha mẹ, ông bà, tổ tiên qua đời. Ngày này, một thánh lễ được diễn ra trong nhà thờ. Sau đó, linh mục cùng cộng đoàn ra vườn thánh đọc kinh cầu nguyện, thắp nến, sửa sang phần mộ người qua đời. Cho đến nay, hầu hết người Công giáo đều chọn hình thức an táng một lần cho người thân được coi là chôn kim tính. Thông thường trước tết Nguyên đán người Công giáo thường đi thăm mộ người thân lần cuối trong năm. Ở giáo xứ Đốc Sơ, Giáo phận Huế, người Công giáo có việc làm hết sức nhân văn, khi “chạp” mộ người thân, họ còn tảo ra “chạp” những cô mộ xung quanh.

Trước Công đồng Vatican II, ở một số xứ đạo, thấy có hình thức cúng hậu ở nhà thờ Công giáo. Người không có con hoặc không có con trai lo việc tế tự trước khi qua đời, họ cúng tài sản (ruộng đất, tiền bạc, vật dụng...) cho nhà thờ để khi họ qua đời, vào ngày giỗ linh mục xứ sẽ rao tên thánh của họ sau thánh lễ cho cộng đồng cầu nguyện cũng có khi con cháu họ cúng tài sản cho nhà xứ để ngày giỗ bố mẹ họ, cộng đồng cùng cầu nguyện.

Với người Công giáo, linh mục chính xứ là người cha thiêng liêng của họ. Đầu năm mới, sau thánh lễ ở nhà thờ, người Công giáo có thói quen vào nhà xứ (nơi linh mục ở) để mừng tuổi cha xứ. Khi linh mục ốm đau, họ cử người coi sóc, khi linh mục qua đời là đám tang của cả xứ. Trước đây, do yêu quý linh mục xứ, nhiều xứ đạo an táng họ ngay trong khuôn viên nhà xứ.

Người Công giáo có thói quen nhận đỡ đầu con trẻ mới sinh là con của người đồng đạo. Người được làm con đỡ đầu có trách nhiệm với cha (mẹ) đỡ đầu như cha mẹ ruột thịt mình. Ở đó không chỉ tạo nên mối liên kết đồng đạo mà còn thể hiện một hình thức của đạo lý uống nước nhớ nguồn mang đặc trưng của người Công giáo Việt Nam.

Từ sau Công đồng Vatican II, nhất là từ sau khi có Thư chung 1980 của Hội đồng Giám mục Việt Nam, hình thức thờ cúng tổ tiên của người Công giáo ngày càng trở nên phong phú đa dạng. Nhiều dòng họ sau thời gian dài hàng trăm năm do gia nhập Công giáo không mấy quan tâm đến gốc tích tổ tiên, nay có xu hướng lần tìm về nguồn cội. Nhiều dòng họ lập gia phả. Ngày giỗ tổ, người Công giáo cử đại diện đến dâng hương hoa oản quả, vái lạy, cùng “ăn giỗ”. Có dòng họ, người Công giáo xây từ

đường thờ tổ họ đạo như dòng họ Phạm Quang ở thôn Phù Tài (nay là thôn Giải Tây, xã An Đỗ, huyện Bình Lục, Hà Nam).

Những thập niên cuối của thế kỷ XX, khi mà trào lưu tục hóa phát triển mạnh, khi mà đời sống gia đình có nguy cơ bị phá vỡ ngày một tăng, Giáo hội Công giáo càng chú trọng đến gia đình. Nhân dịp năm 1994, Liên Hiệp Quốc đề xướng là năm gia đình, Giáo hoàng John Paul II đã công bố Năm Thánh hóa gia đình đối với Giáo hội Công giáo. Năm Thánh hóa gia đình được khai mạc từ lễ Thánh gia năm 1993 (26 tháng 12) và kết thúc vào lễ Thánh gia 1994 (30 tháng 12). Vì thế, gia đình là đề tài cho nhiều văn kiện quan trọng và nhiều gặp gỡ của Giáo hoàng. Sứ điệp nhân ngày thế giới hòa bình (01/01/1994) có tên gọi “Từ gia đình nảy sinh hòa bình của gia đình nhân loại”. Sứ điệp Mùa Chay năm 1994 có chủ đề: “Gia đình phục vụ tình bác ái - Tình bác ái phục vụ gia đình”. Trong bức thư dày 110 trang của Giáo hoàng ký ngày 02/02/1994 gửi các gia đình trên toàn thế giới cũng lấy đề tài “Gia đình là trung tâm văn minh và tình thương”. Bức thư này là văn kiện quan trọng thứ hai về gia đình của Giáo hoàng John Paul II sau Tông huấn gia đình ban hành năm 1981²⁰.

Thư mục vụ của Hội đồng Giám mục Việt Nam làm tại Hà Nội, ngày 17/10/1998, đoạn 7 *Vai trò gia đình*, viết: “Gia đình là Hội thánh tại gia giữa lòng cộng đồng Kitô. Gia đình là trường học đầu tiên. Cha mẹ là những người giáo dục đầu tiên. Sách giáo khoa đầu tiên là những quan hệ trong gia đình, giữa cha mẹ với nhau, giữa cha mẹ và con cái, giữa gia đình này với gia đình khác.

Gia đình là Hội thánh tại gia, là đơn vị căn bản của Hội thánh. Gia đình là cộng đoàn thờ phượng và sống đạo, là nơi thể hiện và phát triển lòng tin, cậy, mến. Những bài học đầu tiên về cầu nguyện, về mến Chúa yêu người, đều được học và dạy ở dưới mái nhà gia đình.

Việc cầu nguyện trong gia đình và việc kiểm điểm đời sống hằng ngày giúp cho gia đình yêu thương và sống hiệp nhất. Chính bầu khí yêu thương đầm ấm trong gia đình: vợ chồng chung thủy, con cái hiếu thảo, anh chị em hòa thuận, là trường dạy yêu mến. Người ta học biết yêu thương nhờ được yêu thương...

Chúng tôi khuyến khích việc liên đới giữa các gia đình, nhất là các gia đình trẻ, để giúp nhau vượt qua khó khăn và phát triển đời sống gia đình”.

Thư Mục vụ (17/10/1998) như là một sự tóm gọn giá trị Công giáo đối với gia đình Công giáo Việt Nam, định hướng sống đạo trong đời sống gia đình của người Công giáo Việt Nam. Đối với người Công giáo Việt Nam, Thư chung hay Thư Mục vụ của Hội đồng Giám mục Việt Nam đều là những văn bản buộc họ phải thực hiện.

Năm 2013, Hội đồng Giám mục Việt Nam họp Đại hội lần thứ XII từ 7-11/10/2013 tại Trung tâm Mục vụ Tổng Giáo phận Thành phố Hồ Chí Minh. Đại hội ra Thư chung: *Hội thánh Công giáo tại Việt Nam và công cuộc tân phúc âm hóa*. Một kế hoạch mục vụ kéo dài 3 năm (2014-2016) với chủ đề cho từng năm:

Năm 2014: Phúc âm hóa đời sống gia đình.

Năm 2015: Phúc âm hóa đời sống giáo xứ và cộng đoàn

Năm 2016: Phúc âm hóa đời sống xã hội.

Phần cuối, Thư chung dành cho việc triển khai chủ đề *Phúc âm hóa đời sống gia đình* - hướng tới chủ đề “Những thách đố mục vụ đối với gia đình trong bối cảnh phúc âm hóa” của Thượng Hội đồng Giám mục khóa ngoại lệ diễn ra vào tháng 10/2014 và tiếp nối nhận định của *Thư chung Hậu Đại hội Dân Chúa 2010*: “Trước cuộc khủng hoảng gia đình hiện nay, Hội Thánh nhận thấy cần phải tăng cường và canh tân mục vụ gia đình, phải xem mục vụ gia đình là hoạt động quan trọng, nối kết những kế hoạch và chương trình mục vụ của giáo xứ cũng như giáo phận”. Để thực hiện phúc âm hóa đời sống gia đình, Thư chung nêu “Xây dựng gia đình mình thành một cộng đoàn cầu nguyện, sống tình yêu hợp nhất thủy chung, phục vụ sự sống và hăng say loan báo Tin Mừng”. Người Công giáo Việt Nam trên cơ sở giáo huấn của cộng đồng của Giáo hoàng, của Hội đồng Giám mục đã và đang vận dụng những giá trị về đời sống gia đình để thực hiện tốt mục tiêu mà năm phúc âm hóa đời sống gia đình đặt ra.

3. Giá trị Công giáo trong cộng đồng

Việt Nam là một quốc gia đa tôn giáo. Các tôn giáo tồn tại và phát triển ở Việt Nam đan xen và hòa đồng với nhau. Do đặc điểm về văn hóa, tâm linh, địa lý ở Việt Nam hình thành nên những vùng tôn giáo tập trung. Chẳng hạn, miền Tây Nam Bộ có các tôn giáo như Phật giáo Nam tông Khmer, Phật giáo Hòa Hảo, Cao Đài, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Bửu Sơn Kỳ Hương.... Ở Trung Trung Bộ là Islam giáo,

Bàlamôn giáo, Bani giáo trong người Chăm. Ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ là Công giáo. Song dù là vùng tôn giáo tập trung nhưng ở đó vẫn tồn tại, đan xen những tôn giáo khác nhau.

Truyền đạo, phát triển Công giáo ở Việt Nam tạo nên những làng Công giáo toàn tòng, những vùng Công giáo tập trung tiêu biểu ở các giáo phận: Phát Diệm, Bùi Chu, Thái Bình, Nghệ An, Thanh Hóa... Gọi là vùng Công giáo tập trung vì có tới hàng chục thậm chí vài chục làng xã ở liền nhau là làng Công giáo toàn tòng hay từ quá nửa cư dân của làng gia nhập Công giáo. Sống trong các làng Công giáo, người Công giáo có một lối sống cộng đồng riêng. Song người Công giáo Việt Nam vẫn là con người của xã hội, con dân của dân tộc Việt Nam nên họ còn phải sống với các cộng đồng tôn giáo khác hoặc với những người không tôn giáo. Vì vậy, sống cộng đồng của người Công giáo bao gồm sống với cộng đồng những người đồng đạo và sống cộng đồng với những người khác đạo.

3.1. Giá trị Công giáo trong cộng đồng những người đồng đạo

Trên danh nghĩa, cộng đồng của người Công giáo Việt Nam là giáo xứ (hay xứ đạo). Giáo luật Công giáo xem xứ đạo là đơn vị hạt nhân trong hệ thống tổ chức hành chính giáo. Giáo xứ bao gồm một cộng đồng tín hữu, cư trú trong một địa vực nhất định, có một nhà thờ, dưới sự cai quản của linh mục chính xứ (cha sở)²¹. Quan niệm Công giáo cho rằng: “Giáo xứ chủ yếu không phải là một cơ cấu, một địa giới hay một tòa nhà, nhưng đúng hơn đó là “gia đình của Chúa”. Ở đó là mối quan hệ giữa giáo dân với giáo dân, đặc biệt là mối quan hệ giáo dân với giáo sĩ, tu sĩ. Bởi giáo dân, giáo sĩ, tu sĩ là thành phần Dân Chúa cũng là thành phần của giáo xứ - Gia đình của Chúa.

Người Công giáo gắn chặt cuộc đời của mình với nhà thờ - cũng có nghĩa là gắn chặt với cha sở. Khi họ lọt lòng mẹ, cất tiếng khóc chào đời độ vài tuần họ được cha sở rửa tội để chính thức trở thành tín đồ. Khi lên 5-6 tuổi, họ được cha mẹ đưa đến nhà thờ để “xưng tội, chịu lễ lần đầu”. Từ đây họ gắn bó với nhà thờ, với cha sở ngày một thân thiết hơn qua các thánh lễ thường và thánh lễ Chủ nhật cũng như thánh lễ trọng. Khoảng 9-11 tuổi, họ được nhận lãnh Bí tích Thêm sức để cho được mạnh đạo. Khi đến tuổi trưởng thành, họ được học lớp giáo lý hôn nhân, khi họ lập gia đình cha sở thay mặt Thiên Chúa ban bí tích hôn phối, khi về già, đặc biệt là khi chuẩn bị qua đời cha sở làm phép

xức dầu bệnh nhân. Khi họ qua đời, cha sở làm phép xác, phép mô (ở những nơi người Công giáo không có nghĩa địa - vườn thánh riêng), rồi làm lễ nhà thờ khi đến ngày giỗ. Hằng năm, theo giáo luật họ phải xưng tội ít nhất một lần để được cha sở giải tội. Ở mỗi thánh lễ, họ được đón nhận Mình Thánh Chúa (Rước lễ) từ chính tay cha sở. Vì vậy, người Công giáo gọi linh mục là cha, xưng con theo một quan niệm kính trọng, thân mật và thân thiết. Bởi giáo xứ chính là gia đình của Chúa, dưới sự hướng dẫn của người cha (sở) thay mặt Thiên Chúa. Tài liệu điều tra xã hội học tôn giáo của Viện Nghiên cứu Tôn giáo những năm cuối của thập niên 90 thế kỷ XX cho thấy hầu hết người Công giáo khi có việc quan trọng đều đến hỏi cha sở. Khi hàng xóm, khi vợ chồng, cha con có chuyện bất đồng, nếu cha sở đến hòa giải hầu hết người Công giáo đều nghe theo.

Một số giám mục, linh mục có công lao đặc biệt với giáo xứ, giáo phận khi họ qua đời, xứ đạo dựng bia ghi công đức như bia “Sử cha già Diễm” ở giáo xứ Đại Ổn, Chương Mỹ, Hà Nội là một ví dụ. Tên của giám mục, linh mục được đặt cho những cơ sở công ích của cộng đồng như trường Trần Lục - trường dạy văn hóa cho con em giáo dân ở khu tòa địa phận Phát Diệm trước năm 1945. Bởi Linh mục Trần Lục là người có công trong việc xây dựng khu quần thể Thánh đường Phát Diệm (Kim Sơn, Ninh Bình) và có công trong việc phát triển Công giáo nơi đây. Tên một số thánh tử đạo được tin đồ lấy làm tên thánh thay vì lấy tên thánh là các thánh tông đồ hay thánh thông công, với tâm nguyện sống theo mẫu gương của thánh. Ở huyện Kim Sơn, khi thành lập giáo họ, người Công giáo lấy tên một số giám mục đặt tên cho giáo họ của mình. Như họ Kim Tùng, Tân Tùng, Tông Phát, Tông Đức. Ấy là theo tên Giám mục Nguyễn Bá Tông - giám mục người Việt đầu tiên cai quản Giáo phận Phát Diệm (Kim = Kim Sơn, Tùng = Tông). Họ Lạc Thành, Kim Thành, là lấy tên Giám mục Alexandre J. P. Marcou (tên Việt là Thành).... Việc làm này như là một sự nhắc nhở tín đồ tưởng nhớ đến công ơn của các vị chủ chăn giáo phận.

Trong thành phần Dân Chúa hiện diện nơi giáo xứ - *Gia đình của Chúa* - có tu sĩ. Họ có thể là những người phục vụ tại giáo xứ, cũng có khi là người con của giáo xứ (sinh ra, lớn lên ở giáo xứ) nhưng đang phục vụ tại các giáo xứ khác.

Nếu như linh mục được giáo dân gọi là cha thì tu sĩ nam được giáo dân gọi là thầy (thầy sáu hay thầy năm). Đó là các tu sĩ đã tu học tới bậc năm hoặc sáu theo 7 chức để trở thành linh mục, nhưng vì các lý do khác nhau họ không thể đủ 7 chức để trở thành Thầy cả (thầy trên hết - được gọi là linh mục). Với các tu sĩ là nữ, người giáo dân gọi họ là dì. Đó là tiếng gọi thân thương, bởi dì là tên gọi của người phụ nữ là em mẹ đẻ. Người dân Việt có câu ca:

Sảy cha còn chú

Sảy mẹ ấp vú dì

Tu sĩ nam, nữ vì sống đời sống độc thân, vì gần cả đời để phục vụ cộng đồng giáo xứ nên giáo dân một mặt kính trọng họ, gọi họ với danh xưng trừu mến thân thương, mặt khác khi họ về già, ốm đau, bệnh tật, giáo dân cử người chăm nom, săn sóc, khi họ qua đời, cộng đồng lo an táng, xem đó là nỗi buồn và trách nhiệm chung của cộng đồng. Trong Vườn thánh, khu đất trang trọng được giáo dân dành để an táng linh mục, tu sĩ. Đây cũng là biểu hiện sự trân trọng của giáo dân đối với cha sở và tu sĩ.

Công giáo ở Việt Nam dưới thời Lê, đặc biệt là thời Nguyễn với các vua Minh Mệnh, Thiệu Trị, Tự Đức, phải chịu chính sách cấm đạo, đôi khi có những biện pháp hết sức gắt gao. Trong tình thế như vậy, đã có những người Công giáo kiên quyết kháng cự để bảo vệ đạo Chúa. Họ có thể là giám mục, linh mục, phó tế, giáo hữu... là người Việt hay người nước ngoài. Trong số những người đó, Giáo hội dựa trên công trạng cũng như “phép lạ” của họ mà phong thánh tử đạo. Những vị thánh tử đạo đều được cộng đồng Công giáo tôn kính. Họ được đắp tượng hay vẽ tranh và đặt ở nơi trang trọng trong nhà thờ. Cũng có khi cộng đồng xứ đạo xây “đền” riêng để tôn kính. Xương thánh tử đạo được bảo quản trong một hòm riêng và được cất giữ cẩn trọng. Ngày tưởng niệm thánh tử đạo, một thánh lễ trang trọng được diễn ra nơi thánh đường. Xương thánh tử đạo được đưa ra đặt trên bàn thờ Chúa. Linh mục, người chủ tế buổi lễ hôn xương thánh, cộng đồng giáo dân cùng ngắm nguyện. Ngày lễ thánh tử đạo tuy không được ghi trong lịch lễ nhưng với giáo xứ đó là một ngày lễ trọng. Tín đồ còn đặt lời văn kể về hạnh tích thánh một số thánh tử đạo, chẳng hạn như văn Thánh Phêrô Tỳ tử đạo. Tín đồ vừa hành tiến vừa ngân nga lời văn.

Do là ngày lễ trọng của giáo xứ nên cuối thánh lễ, ở nhiều giáo xứ các gia đình tổ chức bữa ăn thịnh soạn, vì ngày này con cháu của họ đi làm ăn, đi lấy chồng xa thường đổ về tham dự. Một số xứ đạo lân cận giáo dân đến tham dự gọi là thông công. Ngày này, linh mục ở một số xứ đạo được mời đến tham dự thánh lễ được gọi là “các cha về đồng tế”. Trước Đổi mới, khi đời sống kinh tế còn khó khăn nhưng gia đình nào cũng đều tổ chức bữa ăn thật thịnh soạn. Ngày này, nhà nào có được nhiều khách được xem là gặp may mắn và là điều hãnh diện với hàng xóm. Đây là dịp những thành viên trong gia đình hàn huyên và những người trong gia đình cởi mở đón khách, tạo nên sự chan hòa giữa những người đồng đạo.

Trong gia đình Chúa - xứ đạo, Thánh đường giáo xứ được giáo dân gọi là ngôi nhà chung. Mọi người chăm chút cho thánh đường của họ. Nhưng quan trọng hơn, ngôi nhà chung này là nơi người giáo dân gắn bó cả cuộc đời. Sinh ra họ được đưa đến nhà thờ rửa tội, họ được xưng tội, rước lễ lần đầu, tham dự thánh lễ, khi qua đời họ được đưa xác đến nhà thờ trước khi được đi an táng. Trong ngôi nhà chung - Thánh đường không chỉ là nơi họ cùng đồng đạo hiệp nguyện, tôn thờ Thiên Chúa, tôn kính các thánh thông công còn là nơi họ gặp gỡ, chia sẻ những nỗi vui buồn việc đời. Có những giáo xứ, linh mục xứ kêu gọi giáo dân tiết kiệm gạo, hoặc thóc đem đến nhà thờ, linh mục gom lại rồi cứu giúp những người có hoàn cảnh khó khăn. Đó là dịp người giáo dân thể hiện tâm nguyện của mình thông qua những cân gạo hay những vật chất khác như quần áo, sách vở, đồ dùng cứu giúp người khó khăn với tinh thần “lá lành đùm lá rách” hoặc hoặc “lá rách ít đùm lá rách nhiều”. Một số xứ đạo có cơ sở nuôi dạy trẻ mồ côi, trẻ tàn tật, thiếu năng trí tuệ cũng có khi là mái ấm cho người già không nơi nương tựa, đơn côi... Người giáo dân coi họ như những người thân yêu ruột thịt với quan niệm họ là những người đồng đạo, cùng là người con của Chúa.

Một thánh lễ được xem là thánh lễ trọng chỉ có ở giáo xứ, đó là lễ Thánh quan thầy xứ đạo. Với người Công giáo, thánh quan thầy là vị thánh bảo trợ cho cộng đồng của giáo xứ. Thánh quan thầy có thể là Chúa Giêsu với những danh xưng hoặc Thánh nữ Maria với những danh xưng, cũng có khi là một vị thánh Tông đồ, vị thánh tử đạo. Ngày kỷ niệm thánh quan thầy không chỉ đơn thuần là một thánh lễ

trong nhà thờ mà còn là ngày hội của làng giáo - xứ đạo. Tài liệu điền dã mà chúng tôi thu thập được ở vùng Đồng bằng Bắc bộ, thánh quan thầy của xứ đạo - làng Công giáo được giáo dân gọi là *Thành hoàng làng*. Người giáo dân cố tìm, cố mô phỏng và chịu ảnh hưởng giá trị truyền thống tâm linh của người Việt để rồi “Việt hóa” tôn giáo của mình trên nền tảng cơ tầng văn hóa Việt. Ngày này là ngày vui của cộng đồng. Người ta ăn mặc đẹp, dọn dẹp xóm ngõ, trang trí nhà thờ, tổ chức đi kiệu. Làng đạo tổ chức “ăn tươi”, buổi tối nhiều nơi có tổ chức văn nghệ, diễn tuồng thương khó, hay hoạt cảnh lấy tích về thánh quan thầy của giáo xứ. Ngày nay, còn có những bài hát ca ngợi quê hương, xứ đạo, ca ngợi tình yêu đôi lứa... giai điệu có thể là các làn điệu dân ca hoặc có khi là những bài “ca mới”.

Làng Công giáo - xứ đạo vùng Đồng bằng Bắc Bộ trước năm 1945 có hương ước hay khoán ước với nội dung về quy tắc ứng xử việc đạo, việc đời trong xứ đạo. Hương ước làng Công giáo đều có những nội dung về tế tự, về lối sống cá nhân, gia đình, cộng đồng. Những nội dung này trước hết dựa trên giáo lý, giáo luật Công giáo như quy định hôn nhân một vợ một chồng, quy định về phép tắc khi đến nhà thờ tham dự thánh lễ.... Song cũng có nội dung gồm cả dựa trên giáo lý, giáo luật Công giáo với những giá trị văn hóa Việt truyền thống về tang lễ, về trách nhiệm con cái đối với bố mẹ, anh chị em đối với nhau. Những người vi phạm điều, khoản hương ước đều phải chịu các hình phạt về vật chất (phạt tiền hoặc đồ vật - trau câu, gà, xôi, rượu...) về tinh thần (truất ngôi thứ thậm chí là bị khai trừ ra khỏi cộng đồng). Hương ước một số làng còn quy định ngoài hình phạt vật chất, tinh thần, người vi phạm còn bị đánh đòn....

Hiện tại nhiều làng Công giáo - giáo xứ trong Nam ngoài Bắc, giáo xứ của người Kinh cũng như giáo xứ của người dân tộc thiểu số có bản quy ước với những nội dung xoay quanh về lối sống cá nhân, gia đình, cộng đồng, về vai trò trách nhiệm của người giáo dân đối với đạo và đời hướng tới một cuộc sống “tốt đời, đẹp đạo”, làm tròn bổn phận của một tín đồ đồng thời cũng làm tròn bổn phận của một công dân.

Không chỉ sống với cộng đồng giáo xứ, người Công giáo Việt Nam còn sống với các cộng đồng nhỏ hơn là giáo họ (họ đạo), dưới họ đạo là một cộng đồng với tên gọi khác nhau như dâu, giáp, tích, khu vực đạo. Cuối cùng là liên gia nghĩa là một số gia đình ở gần

nhau. Với những cộng đồng chia nhỏ người Công giáo càng có điều kiện gần gũi nhau hơn để chia sẻ và trong một chừng mực giúp đỡ nhau về mặt vật chất.

Không ở đâu quan niệm “bán anh em xa, mua láng giềng gần” được thấu hiểu và thực hành như cư dân họ giáo. Cộng đồng cư dân trong họ đạo nương tựa vào nhau không chỉ sống đạo, giữ đạo mà còn để sống đời. Họ giúp đỡ nhau khi xây dựng nhà cửa, khi ốm đau, khi có việc hiếu hỉ. Cộng đồng cũng thường có những chia sẻ, tán trợ nhau về vật chất cũng như tinh thần tạo nên sự hòa hiếu. Mỗi đứa trẻ ở họ giáo sinh ra ngoài cha mẹ đẻ còn có cha mẹ đỡ đầu. Một người nào đó qua đời, giáo dân trong họ giáo thường là những người có mặt đầu tiên để cầu nguyện cho họ được “về Nhà Cha” thanh thản.

Khi xứ đạo có người qua đời, nghe tiếng chuông sầu (chuông tử) của nhà thờ, giáo dân dù đang làm gì cũng dừng lại đọc kinh, tỏ lòng thương tiếc một Chiên Chúa qua đời.

Dịp giỗ chạp, tưởng niệm người qua đời của mỗi gia đình đều có những gia đình sống xung quanh đến hiệp nguyện. Thánh lễ dành cho người qua đời được tổ chức trang trọng có thể ở nhà tang chủ, có thể tổ chức ở nhà thờ giáo xứ hay giáo họ (nếu đó là họ đạo lẻ, ở xa nhà thờ giáo xứ) với sự hiện diện của hầu hết tín đồ xứ, họ đạo.

Ngoài việc sống cộng đồng với giáo họ/ họ đạo, tín đồ còn sống với cộng đồng dân (giáp, tích, lân, khu vực) đạo. Các cộng đồng này có thánh quan thầy với một cộng đồng gồm khoảng hơn chục gia đình sống gần nhau. Cuối cùng là cộng đồng liên gia với từ 3-5 gia đình ở gần nhau. Với liên gia họ có thể tụ tập đọc Kinh theo hình thức luân chuyển từ gia đình này sang gia đình khác. Liên gia có trách nhiệm trông nom nhà cửa hộ nhau, cùng mời gọi nhau đi tham dự thánh lễ.

Do tính cộng đồng bền chặt được chia nhỏ tới cộng đồng vài ba gia đình, được gắn kết bởi niềm tin tôn giáo được thờ kính một “tộc sư” hay cùng chung một “Thành hoàng” người Công giáo sống trong các cộng đồng thường ít xảy ra va chạm, mâu thuẫn. Khi vụ việc xảy ra thường thì được giải quyết ổn thỏa qua hòa giải.

Trong mỗi xứ, họ đạo, người Công giáo còn được sống với các cộng đồng hội đoàn. Bình quân mỗi xứ, họ đạo có từ 10 đến 20 hội đoàn. Ở đó giáo dân được tập hợp theo lứa tuổi, theo giới, theo nghề

nghiệp để một mặt phục vụ nghi lễ, lo giữ đạo, sống đạo, củng cố đức tin, mặt khác còn là để hòa giải, giúp đỡ nhau việc đời.

Nhà nguyện giáo họ hay nhà thờ giáo xứ ngoài là nơi để giáo dân thực hành Thánh lễ, còn là nơi gặp gỡ, giao lưu của những người đồng đạo. Nhiều người Công giáo còn có thói quen tụ tập đọc kinh sớm, tối ở nhà thờ giáo xứ hay nhà nguyện họ đạo. Ngày Chủ nhật, giáo dân “nghỉ phần xác” đến nhà thờ tham dự thánh lễ. Sinh hoạt tôn giáo gắn kết họ với nhau trong lễ ngày thường, thánh lễ Chủ nhật, lễ kỷ niệm Thánh quan thầy xứ, họ đạo, trong dịp châu lượt.... Đây là dịp họ chia sẻ, trợ giúp nhau trong tinh thần đồng đạo.

Trong quan hệ cộng đồng, hơn ai hết người Công giáo Việt Nam được Mười điều răn định hướng. Mười điều răn quy lại thành hai điểm đó là Kính Chúa - Yêu người. Yêu người gồm cả yêu đồng đạo và yêu người khác đạo. Với người Công giáo, ngoài việc thuộc và thực hành Kinh cái bảy mối có bảy đức để tu thân, còn thuộc và thực hành kinh Mười bốn mối.

THƯƠNG NGƯỜI CÓ MƯỜI BỐN MỐI

Thương xác bảy mối:

Thứ nhất: Cho kẻ đói ăn

Thứ hai: Cho kẻ khát uống

Thứ ba: Cho kẻ rách rưới ăn mặc

Thứ bốn: Viếng kẻ liệt cùng kẻ tù rạc

Thứ năm: Cho khách đỗ nhà

Thứ sáu: Chuộc kẻ làm tội

Thứ bảy: Chôn xác kẻ chết

Thương linh hồn bảy mối:

Thứ nhất: Lấy lời lành mà khuyên người

Thứ hai: Mở dạy kẻ mê muội

Thứ ba: Yên ủi kẻ âu lo

Thứ bốn: Răn bảo kẻ có tội

Thứ năm: Tha kẻ dễ ta

Thứ sáu: Nhịn kẻ mất lòng ta

Thứ bảy: Cầu cho kẻ sống và kẻ chết.

Vậy là trong quan hệ với tha nhân, với cộng đồng dù là người đồng đạo hay người khác đạo, người Công giáo không chỉ mở lòng giúp họ về phần xác còn giúp họ về phần linh hồn. Bởi với người Công giáo, con người có cả phần xác lẫn phần hồn. Nếu chỉ giúp một trong hai phần là không thật đầy đủ.

3.2. Giá trị Công giáo trong cộng đồng những người khác đạo

Trước Công đồng Vatican II (1962-1965), tín đồ Công giáo dù bị gom lại sống chật chội trong các làng Công giáo nhưng người Công giáo vẫn là con người của xã hội, của cộng đồng. Họ vẫn có biết bao mối quan hệ với cộng đồng những người khác đạo về sản xuất, giao thương về tinh thần cũng như vật chất. Ở những làng mà người Công giáo chỉ là một bộ phận dân cư, cuộc sống đòi buộc họ phải chung tay cùng cộng đồng bảo vệ xóm làng, đắp đê, làm thủy lợi, làm đõ công cho nhau khi nông tang thời vụ. Bởi họ vẫn là con dân của một làng cùng chung lưng đấu cật chống chọi với thiên nhiên, hợp sức cùng nhau sản xuất.

Ở không ít làng quê, ngay từ trước Công đồng Vatican II (1962-1965), người Công giáo chung tay góp sức cùng với người ngoài Công giáo xây dựng cơ sở thờ tự, ngược lại, người không Công giáo cũng góp sức người, sức của cùng người Công giáo xây dựng thánh đường. Sau Công đồng Vatican II, đặc biệt là từ sau khi có công cuộc Đổi mới, đoàn kết lương - giáo ở làng quê - xứ đạo trở nên gắn bó thân thiết hơn bao giờ hết. Người Công giáo làm từ thiện không chỉ bó gọn trong cộng đồng tôn giáo mà là giúp đỡ chung cho cả những người nghèo khó ngoài cộng đồng.

Có thể sống biệt lập trong một làng đạo hoặc sống đan xen nhưng người Công giáo luôn giữ mối giao hảo với người khác tôn giáo. Ngoài việc lao động sản xuất, giao thương... họ còn chia ngọt, sẻ bùi khi nhà có đám hỷ, có niềm vui và chung tay giúp đỡ những gia đình có tang ma là người khác đạo. Người Công giáo ở nhiều làng quê thấm nhuần đạo lý uống nước nhớ nguồn, tỏ lòng biết ơn những người có công với cộng đồng cho dù họ không thuộc về tôn giáo của mình. Tài liệu điền dã của chúng tôi cho thấy giáo dân phường Giang Hén, thành phố Huế vào ngày tưởng niệm tổ nghề đều đến tham dự. Người Công giáo sinh sống ở vùng ven biển Miền Trung tham dự lễ cầu ngư, cúng Cá Ông trước ngày ra biển của một vụ mùa đánh cá mới. Vùng đất mới mở của

huyện Kim Sơn, Ninh Bình vào nửa đầu thế kỷ XIX có công lao của các vị nguyên mộ, chiêu mộ, thứ mộ (những người mộ dân và cùng họ khai khẩn miền đất mới). Sau khi họ qua đời, dân làng lập miếu hoặc đền, thờ cúng. Hằng năm vào dịp tưởng niệm họ, có sự hiện diện của người Công giáo (chẳng hạn ở xã Lưu Phương là một ví dụ).

Hương ước ở nhiều làng Công giáo vùng đồng bằng Bắc Bộ có mục ghi, hằng năm theo ngày giỗ, cư dân của làng tham dự lễ “Truy tư tiên nhân” tưởng nhớ tiên nhân những người có công mở đất, lập làng. Dù tiên nhân trước đó không phải là tín đồ Công giáo.

Trên tinh thần canh tân, nhập thế của Công đồng Vatican II và định hướng của Giáo hội Công giáo thể hiện từ Thư chung 1980 và một số Thư chung, Thư Mục vụ khác của Hội đồng Giám mục Việt Nam, người Công giáo ngày càng tích cực tham gia vào những nghi lễ, những hình thức tưởng niệm những người có công với cộng đồng khác đạo. Hầu hết các làng quê - xứ đạo ở huyện Kim Sơn (Ninh Bình), người Công giáo tham dự nghi lễ tưởng niệm Doanh điền Nguyễn Công Trứ, người có công mở đất Kim Sơn. Người Công giáo ngày nay tham dự hội làng, tham dự lễ tổ nghề, tưởng nhớ những anh hùng liệt sĩ có công với làng nước. Ngày giỗ Hùng Vương, trong dòng người trở về Đất Tổ chiêm bái các Vua Hùng có người Công giáo, bởi họ nhận ra dù theo tôn giáo nào thì tất cả đều là con em đất Việt, đều là đồng bào.

Kết luận

Giá trị Công giáo có ảnh hưởng quan trọng tới cá nhân, gia đình, cộng đồng của người Công giáo. Cũng như các tôn giáo khác, Công giáo trước hết quan tâm đến con người, tín đồ, đưa ra những chuẩn mực phải có đối với tín đồ. Trong đó có những chuẩn mực “cứng” đòi buộc tín đồ phải thực hiện, nếu không thực hiện là lỗi đạo, là ngăn trở cho cuộc sống đời sau và những chuẩn mực “mềm”, nghĩa là khuyến răn tín đồ nên thực hiện. Những chuẩn mực hay là những giá trị Công giáo tạo ra là những giá trị luân lý, đạo đức khuyến tín đồ sống thánh thiện, sống có trách nhiệm với bản thân, biết làm điều lành, tránh điều ác, biết sống tiết chế, dục vọng, sống khiêm nhường, phẩm hạnh đó là những giá trị thường hằng mà xã hội nào, thời đại nào cũng đòi hỏi ở mỗi con người. Giá trị mà Công giáo đem lại đối với người Công giáo là họ phải biết sống có trách nhiệm với gia đình, thảo kính ông bà, cha

mẹ. Gia đình Công giáo được xem là Hội thánh tại gia, sống theo mẫu gương gia đình Thiên Chúa. Hôn nhân gia đình Công giáo là hôn nhân một vợ một chồng, được Thánh hóa, nâng lên thành bí tích. Vì vậy, lối sống thủy chung vợ chồng luôn được người Công giáo đề cao và thực hiện nghiêm túc.

Tôn giáo - Công giáo là mối liên kết tâm linh giữa những người Công giáo với nhau, nhất là những người cùng sống trong họ đạo, xứ đạo. Họ gắn bó với nhau không chỉ trong đời sống đạo mà còn trong đời sống đời, giúp nhau khi khó khăn hoạn nạn, hàng xóm tối lửa, tắt đèn có nhau, khi vụ việc xích mích xảy ra thường giải quyết bằng hòa giải.

Người Công giáo còn biết sống có trách nhiệm với cộng đồng khác tôn giáo qua những việc làm từ thiện đặc biệt là cùng cộng đồng khác tôn giáo lao động sản xuất xây dựng quê hương, thực hiện đạo hiếu, sống hòa hợp, đoàn kết trong một làng, xã.

Lối sống cá nhân, gia đình, cộng đồng của người Công giáo có được có một phần hết sức quan trọng bởi ảnh hưởng của giá trị Công giáo, ngoài ra còn là ảnh hưởng của các giá trị truyền thống của Việt tộc được tạo lập bởi hàng ngàn năm lịch sử./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Sách *Sáng thế* đoạn 2, dòng 7, viết tắt theo quy định của Kitô giáo là (St, 2, 7). Từ đây khi trích dẫn Kinh Thánh và một số văn bản của Công giáo chúng tôi chú thích theo quy định của Công giáo. Phần chữ viết tắt là tên một sách hay thư trong Kinh Thánh hoặc tên của một văn bản của Công giáo, phần chữ số, chữ số đầu tiên là đoạn, chữ số tiếp theo là dòng, nếu một dòng thì một chữ số, nếu từ hai dòng trở lên là hai chữ số (dòng bắt đầu và dòng kết thúc).
- 2 Công đồng Vatican II, *Hiến chế Mục vụ về Giáo hội trong thế giới ngày nay* - Gaudium Et Spes, đoạn 14.
- 3 Hội đồng Giám mục Việt Nam - Ủy ban Giáo lý Đức tin (2010), *Sách Giáo lý Hội thánh Công giáo*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, các đoạn từ 362 đến 366.
- 4 Hội đồng Giám mục Việt Nam - Ủy ban Bác ái xã hội (2007), *Tóm lược học thuyết xã hội của Giáo hội Công giáo*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, các đoạn 127, 128, 129, tr.111-112.
- 5 Hội đồng Giám mục Việt Nam - Ủy ban Giáo lý Đức tin (2010), *Sách Giáo lý Hội thánh Công giáo*, Sđd, đoạn 410, tr.131.
- 6 Phúc âm Máccô (Mc) - Mc. 12, 8)
- 7 Mười điều răn: *Thứ nhất*: Thờ phượng một Đức Chúa Trời và kính mến Người trên hết mọi sự; *Thứ hai*: Chớ kêu tên Đức Chúa Trời vô cớ; *Thứ ba*: Giữ ngày

- Chúa nhật; *Thứ tư*: Thảo kính cha mẹ; *Thứ năm*: Chớ giết người; *Thứ sáu*: Chớ làm sự dâm dục; *Thứ bảy*: Chớ lấy của người; *Thứ tám*: Chớ làm chứng dối; *Thứ chín*: Chớ muốn vợ chồng người; *Thứ mười*: Chớ tham của người.
- 8 Hội đồng Giám mục Việt Nam - Ủy ban Bác ái xã hội (2007), *Tóm lược học thuyết xã hội của Giáo hội Công giáo*, Sđd: 340.
 - 9 Theo sách Sáng thế, con người do vi phạm lệnh cấm “ăn trái cây biết lành dữ” (St 2, 17). Họ muốn thống trị tuyệt đối mọi sự mà không phải phục tùng ý muốn của tạo hóa. Kể từ lúc đó, đất đai trở nên nghèo nàn, cằn cỗi, thù nghịch một cách tẻ hại (x St 4, 12).
 - 10 Ngày Sabat là ngày nghỉ lễ của người Do Thái vào thứ Bảy hàng tuần. Ngày này, họ nghỉ ngơi và cầu nguyện. Đối với Kitô giáo, ngày Sabat là ngày Chủ (Chúa) nhật, ngày tín đồ dành cho Thiên Chúa. Điều răn thứ ba, trong Mười điều răn của Kitô giáo: Giữ ngày Chúa nhật.
 - 11 Viết về nội dung lao động được quy định bởi Kinh Thánh chúng tôi dựa vào các điều từ 255-266 trong cuốn: *Tóm lược học thuyết xã hội của Giáo hội Công giáo*, Sđd: 191-198.
 - 12 Thư chung được Hội nghị Giám mục Giáo tỉnh Huế và Giáo tỉnh Sài Gòn ban hành ngày 16 tháng 7 năm 1976 tại Thành phố Hồ Chí Minh.
 - 13 LM. Nguyễn Hồng Giáo, OFM (2008), *Một chặng đường Giáo hội Việt Nam*, Học viện Phanxicô: 327.
 - 14 Hội đồng Giám mục Việt Nam - Ủy ban Bác ái xã hội, *Tóm lược Học thuyết xã hội của Giáo hội Công giáo*, Sđd: 163.
 - 15 Viết phần *Gia đình trong Kinh Thánh và một số văn kiện của Giáo hội Công giáo* chúng tôi dựa vào cuốn *Tóm lược học thuyết xã hội của Giáo hội Công giáo*: Chương 5: *Gia đình, tế bào sống động của xã hội*, từ trang 163-190.
 - 16 Tòa Giám mục Xuân Lộc (2006), *Hôn nhân Công giáo*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 20.
 - 17 Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Luật bình đẳng giới, hôn nhân và gia đình, phòng chống bạo lực gia đình*, Nxb. Lao động, Hà Nội: 39.
 - 18 Hội đồng Giám mục Việt Nam - Ủy ban Bác ái xã hội, *Tóm lược Học thuyết xã hội của Giáo hội Công giáo*, Sđd: 182.
 - 19 Hội đồng Giám mục Việt Nam - Ủy ban Văn hóa (2003), *Hướng dẫn về lòng đạo đức bình dân và phụng vụ - Nguyên tắc và định hướng*, Lưu hành nội bộ: 9.
 - 20 Báo *Người Công giáo Việt Nam*, số 7, ngày 15/4/1994.
 - 21 Loại hình giáo xứ này gọi là giáo xứ tông thổ, ngoài ra còn loại hình giáo xứ tông nhân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1 Nguyễn Hồng Dương (chủ biên, 2010), *Nếp sống đạo của người Công giáo Việt Nam*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
- 2 Nguyễn Hồng Dương (2014), *Công giáo Việt Nam đối với phát triển bền vững đất nước*, đề tài khoa học cấp Bộ, Hà Nội.
- 3 LM. Nguyễn Hồng Giáo, OFM (2008), *Một chặng đường Giáo hội Việt Nam*, Học viện Phanxicô.

- 4 Hội đồng Giám mục Việt Nam - Ủy ban Giáo lý Đức tin (2010), *Sách Giáo lý Hội thánh Công giáo*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
- 5 Hội đồng Giám mục Việt Nam - Ủy ban Bác ái xã hội (2007), *Tóm lược học thuyết xã hội của Giáo hội Công giáo*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
- 6 Hội đồng Giám mục Việt Nam (2012), *Công đồng Vatican II*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
- 7 Hội đồng Giám mục Việt Nam - Ủy ban Văn hóa (2003), *Hướng dẫn về lòng đạo đức bình dân và phụng vụ - Nguyên tắc và định hướng*, lưu hành nội bộ.
- 8 *Kinh Thánh* - ấn bản 2011.
- 9 Tòa Giám mục Xuân Lộc (2010), *Hôn nhân Công giáo*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.

Abstract

EFFECTS OF THE CATHOLIC VALUES IN VIETNAM ON INDIVIDUALS, FAMILIES, COMMUNITIES

Religions in Vietnam, whether they are imported or endogenous, have created their own values in the process of existence and development. The values of Catholicism in Vietnam are not the exception. They reflect the intrinsic base of the religious life in Vietnam. They were formed on the basis of the Bible, of dogma, of canon, especially of Catholics' religious life through the missionary history and expansion in Vietnam. What contents do Catholic values consist? What is its role in Vietnamese society? This article presents the influence of Vietnam Catholic values in the three dimensions such as individual, family, community.

Keywords: Catholicism, value, Vietnam, individual, family, community.